

CÔNG TY CỔ PHẦN  
CHIẾU SÁNG CÔNG CỘNG TP.HCM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 27/CBTT-CTCSCC

TP.Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 11 năm 2024

## CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN HỆ THỐNG QUẢN LÝ THÔNG TIN CÔNG TY

Kính gửi: Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN CHIẾU SÁNG CÔNG CỘNG TP.HCM

Trụ sở chính: 121 Châu Văn Liêm, phường 14, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028) 38 536 883 Fax: (028) 38 592 896

Người thực hiện công bố thông tin: ông Huỳnh Trí Dũng

Địa chỉ: 121 Châu Văn Liêm, phường 14, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại (di động, cơ quan, nhà riêng): (08) 38 536 883 Fax: (08) 38 592 896

Loại thông tin công bố:  24h  Yêu cầu  Bất thường  Định kỳ

Nội dung thông tin công bố:

Công ty cổ phần Chiếu sáng công cộng thành phố Hồ Chí Minh thông báo tình hình công bố thông tin:

Công ty cổ phần Chiếu sáng công cộng thành phố Hồ Chí Minh công bố Nghị quyết số 08/NQ-HĐQT ngày 29/11/2024 và Quyết định số 04/QĐ-HĐQT ngày 29/11/2024 của Hội đồng quản trị Công ty về việc ban hành Quy chế công bố thông tin của Công ty cổ phần Chiếu sáng công cộng thành phố Hồ Chí Minh.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Người thực hiện công bố thông tin  
**TỔNG GIÁM ĐỐC**



The stamp is a red circular seal with the text 'CÔNG TY CỔ PHẦN CHIẾU SÁNG CÔNG CỘNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH' around the perimeter. In the center, there is a signature and the text 'TỔNG GIÁM ĐỐC'.

**Huỳnh Trí Dũng**

Số: 08 /NQ-HĐQT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 11 năm 2024

**NGHỊ QUYẾT  
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CÔNG TY CỔ PHẦN CHIẾU SÁNG CÔNG CỘNG  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;

Căn cứ Luật Chứng khoán 54/2019/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;

Căn cứ Điều lệ Công ty của Công ty cổ phần Chiếu sáng công cộng thành phố Hồ Chí Minh sửa đổi đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 28/05/2024;

Biên bản họp Hội đồng quản trị ngày 29/11/2024;

**QUYẾT NGHỊ**

**Điều 1. Nội dung**

Thông qua Quy chế công bố thông tin của Công ty cổ phần Chiếu sáng công cộng thành phố Hồ Chí Minh.

**Điều 2. Tổ chức thực hiện**

Nghị quyết được Hội đồng quản trị thông qua và có hiệu lực kể từ ngày ký. Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, các đơn vị, bộ phận, cá nhân có liên quan căn cứ Nghị quyết thi hành.

**Nơi nhận:**

- Hội đồng quản trị;
- Ban kiểm soát;
- Ban Tổng Giám đốc;
- Lưu HĐQT, TCHC.



Số: 04 /QĐ-HĐQT

TPHCM, ngày 29 tháng 11 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH**

Về việc ban hành Quy chế công bố thông tin  
Công ty cổ phần Chiếu sáng công cộng thành phố Hồ Chí Minh

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CÔNG TY CỔ PHẦN CHIẾU SÁNG CÔNG CỘNG TP.HCM**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;

Căn cứ Điều lệ Công ty của Công ty cổ phần Chiếu sáng công cộng thành phố Hồ Chí Minh sửa đổi đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 28/05/2024;

Căn cứ Nghị quyết số 08/NQ-HĐQT của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Chiếu sáng công cộng TP.HCM thông qua ngày 29/11/2024.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quy chế công bố thông tin Công ty cổ phần Chiếu sáng công cộng thành phố Hồ Chí Minh.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 29 tháng 11 năm 2024.

**Điều 3.** Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, các đơn vị, bộ phận, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành.

*Nơi nhận:*

- Như điều 3;
- Lưu: QLCD;

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



**Trần Văn Hùng**

CÔNG TY CỔ PHẦN CHIẾU SÁNG CÔNG CỘNG  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH



SAPULICO

**QUY CHẾ**  
**CÔNG BỐ THÔNG TIN**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN**  
**CHIẾU SÁNG CÔNG CỘNG TPHCM**  
***ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH TẠI***  
***SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI***  
***UPCOM***

*Tp.HCM, tháng 11 năm 2024*

## MỤC LỤC

<b>CHƯƠNG I</b> .....	<b>1</b>
<b>QUY ĐỊNH CHUNG</b> .....	<b>1</b>
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng.....	1
Điều 2. Tài liệu tham khảo.....	1
Điều 3. Giải thích từ ngữ, chữ viết tắt.....	2
Điều 4. Nguyên tắc công bố thông tin.....	4
Điều 5. Phương tiện công bố thông tin.....	6
Điều 6. Tạm hoãn công bố thông tin.....	7
<b>CHƯƠNG II</b> .....	<b>8</b>
<b>NỘI DUNG CÔNG BỐ THÔNG TIN</b> .....	<b>8</b>
Điều 7. Lưu đồ thực hiện.....	8
Điều 8. Các nội dung công bố thông tin.....	9
<b>CHƯƠNG III</b> .....	<b>10</b>
<b>TRÁCH NHIỆM THỰC HIỆN VÀ XỬ LÝ VI PHẠM</b> .....	<b>10</b>
Điều 9. Trách nhiệm phối hợp giữa người công bố thông tin, bộ phận công bố thông tin và các đơn vị liên quan.....	10
Điều 10. Xử lý vi phạm về công bố thông tin.....	10
Điều 11. Thẩm quyền xử lý vi phạm.....	11
Điều 12. Triển khai thực hiện.....	11
<b>PHỤ LỤC 1 HƯỚNG DẪN NỘI DUNG CÔNG BỐ THÔNG TIN</b> .....	<b>12</b>
<b>PHỤ LỤC 2: HƯỚNG DẪN CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA CÁC ĐỐI TƯỢNG KHÁC</b> .....	<b>29</b>
<b>PHỤ LỤC 3: CÁC MẪU BIỂU</b> .....	<b>32</b>

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 11 năm 2024

**QUY CHẾ**  
**CÔNG BỐ THÔNG TIN**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN CHIẾU SÁNG CÔNG CỘNG TP.HCM**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số 04 /QĐ-HĐQT ngày 29/11/2024  
của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Chiếu sáng công cộng TP.HCM)

**CHƯƠNG I**  
**QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng**

**1. Phạm vi điều chỉnh:**

Quy chế này quy định về việc công bố thông tin của Công ty cổ phần Chiếu sáng công cộng TPHCM trên thị trường chứng khoán Việt Nam. Đồng thời, quy định việc phối hợp giữa các đơn vị trực thuộc, các Phòng, Xí nghiệp, cá nhân thuộc Công ty và các đối tượng khác trong việc thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin.

**2. Đối tượng áp dụng:**

**Các đối tượng công bố thông tin**

a) Người công bố thông tin.

b) Các đơn vị trực thuộc Công ty có liên quan.

c) Nhà đầu tư thuộc đối tượng công bố thông tin bao gồm:

- Người nội bộ của công ty đại chúng, người nội bộ của quỹ đại chúng, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng theo quy định tại Khoản 45 Điều 4 Luật Chứng khoán và người có liên quan của người nội bộ;

- Cổ đông lớn, nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty;

- Nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của 01 Công ty;

- Cổ đông, nhóm người có liên quan mua vào để sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty.

**Điều 2. Tài liệu tham khảo**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Nghị định số 156/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán;

- Căn cứ Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;
- Căn cứ Nghị định 47/2021/NĐ-CP ngày 01 tháng 04 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp;
- Quyết định 877/QĐ-UBCK ngày 05/08/2024 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc ban hành Quy chế sử dụng hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước có hiệu lực từ 15/08/2024.
- Căn cứ Quy chế Công bố thông tin tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội;
- Căn cứ Tài liệu hướng dẫn sử dụng Hệ thống quản lý thông tin công ty dành cho công ty niêm yết/đăng ký giao dịch trên sàn HNX (CIMS);
- Căn cứ Điều lệ và các Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.
- Căn cứ Quyết định số 68/QĐ-HĐTĐ ngày 15/02/2023 về việc ban hành Quy chế công bố thông tin của Công ty Đầu tư Tài chính Nhà nước TPHCM.

### **Điều 3. Giải thích từ ngữ, chữ viết tắt**

1. Các thuật ngữ đã được định nghĩa tại Điều lệ của Công ty thì mặc nhiên được hiểu và áp dụng tương tự trong Quy chế này. Các thuật ngữ được định nghĩa và từ viết tắt dưới đây sẽ có nghĩa như sau:

- **Công ty**: là Công ty cổ phần Chiếu sáng công cộng thành phố Hồ Chí Minh
- **Luật Doanh nghiệp** là Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020.
- **Điều lệ hoặc Điều lệ Công ty**: là Điều lệ của Công ty cổ phần Chiếu sáng công cộng TP.HCM, bao gồm mọi sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm sau khi được thông qua hợp lệ.
- **Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ)**: gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty, có quyền và nghĩa vụ quy định cụ thể trong Điều lệ Công ty.
- **Hội đồng quản trị (HDQT)**: có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của ĐHCĐ và chịu trách nhiệm quản lý Công ty vì các quyền lợi hợp pháp của cổ đông.
- **Ban Kiểm soát (BKS)**: là cơ quan chịu trách nhiệm giám sát tình hình hoạt động của công ty, giám sát Hội đồng quản trị và cán bộ quản lý trong việc quản lý và điều hành Công ty, chịu trách nhiệm trước ĐHCĐ về việc thực hiện các nhiệm vụ được giao.
- **Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN)**: là cơ quan thuộc Bộ Tài chính thực hiện chức năng tham mưu, giúp Bộ trưởng Bộ Tài chính quản lý nhà nước về chứng khoán và thị trường chứng khoán, tổ chức thực thi pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán theo phân cấp, ủy quyền của Bộ trưởng Bộ Tài chính.
- **Hệ thống công bố thông tin của UBCKNN (IDS Pro)**: là hệ thống công bố thông tin do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước quản lý, là hệ thống công bố thông tin yêu cầu bắt buộc đối với các công ty đại chúng và công ty niêm yết.
- **Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (SGDCKHN/HNX)**: là nơi Công ty đăng ký cổ phiếu để thực hiện giao dịch trên sàn UpCom.
- **Hệ thống quản lý thông tin công ty của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (CIMS)**: là hệ thống công bố thông tin do Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội quản lý, là

hệ thống công bố thông tin yêu cầu bắt buộc đối với các công ty đại chúng và công ty niêm yết trên sàn giao dịch của HNX.

- **Trang thông tin điện tử của Công ty Đầu tư Tài chính Nhà nước TPHCM:** là hệ thống công bố thông tin do Công ty Đầu tư Tài chính Nhà nước TPHCM quản lý.

- **Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam/Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam (VSDC):** là cơ quan quản lý hoạt động đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán.

- **Cổng giao tiếp điện tử (CGTĐT):** là môi trường phần mềm ứng dụng để thực hiện các nghiệp vụ giữa Thành viên và VSDC, được thực hiện thông qua các máy trạm đặt tại trụ sở chính hoặc chi nhánh của Thành viên.

- **Cổng thông tin doanh nghiệp:** là cổng thông tin điện tử có tên miền là <http://www.business.gov.vn> do Bộ Kế hoạch và Đầu tư quản lý.

- **Công ty Đầu tư Tài chính Nhà nước TPHCM (HFIC):** là cơ quan đại diện chủ sở hữu vốn Nhà nước tại Công ty cổ phần Chiêu sáng công cộng TPHCM.

- **Cổ đông lớn:** là cổ đông sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty.

- **Người nội bộ của Công ty (NNB):**

+ Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Người đại diện theo pháp luật, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý tương đương do Đại hội đồng cổ đông bầu hoặc Hội đồng quản trị bổ nhiệm;

+ Trưởng Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;

+ Người phụ trách quản trị công ty, Thư ký công ty, Người được ủy quyền công bố thông tin.

- **Ngày công bố thông tin:** là ngày thông tin xuất hiện trên một trong các phương tiện công bố thông tin quy định tại Điều 5 Quy chế này.

- **Ngày báo cáo về việc công bố thông tin:** là ngày gửi fax, gửi qua thư điện tử, ngày thông tin được tiếp nhận trên hệ thống công bố thông tin của UBCKNN, phương tiện công bố thông tin của SGDCK HN hoặc ngày UBCKNN, SGDCK HN nhận được văn bản báo cáo tùy theo thời điểm nào đến trước.

- **Đối với tài liệu dưới dạng văn bản:** Văn bản hợp lệ là bản chính hoặc bản sao hợp lệ. Yêu cầu của văn bản hợp lệ:

+ Đối với văn bản của cá nhân: Văn bản có họ tên và chữ ký của cá nhân.

+ Đối với văn bản của tổ chức: Văn bản có xác nhận của người có thẩm quyền bao gồm: họ tên, chức vụ, chữ ký của người có thẩm quyền, có đóng dấu của tổ chức.

- **Bản scan văn bản dùng công bố thông tin:** phải có đầy đủ nội dung theo quy định đối với văn bản hợp lệ.

- **Dữ liệu điện tử dùng công bố thông tin:** là dữ liệu có định dạng word/excel/pdf (word/excel sử dụng bảng mã Unicode).



- **Người công bố thông tin:** là người đại diện theo pháp luật của công ty hoặc người được ủy quyền công bố thông tin. Người đại diện theo pháp luật của công ty phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, kịp thời và đầy đủ về thông tin do người được ủy quyền công bố thông tin công bố.

- **Bộ phận công bố thông tin:** là cá nhân hoặc tập thể được giao nhiệm vụ tham mưu, hỗ trợ Người công bố thông tin lập, tổng hợp các thông tin phải công bố theo quy định và thực hiện công bố trên các phương tiện công bố thông tin.

- **Người có liên quan:** theo quy định tại Điều 4 Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 là cá nhân, tổ chức có quan hệ với nhau trong các trường hợp sau đây:

a) Doanh nghiệp và người nội bộ của doanh nghiệp đó;

b) Doanh nghiệp và tổ chức, cá nhân sở hữu trên 10% số cổ phiếu có quyền biểu quyết hoặc vốn góp của doanh nghiệp đó;

c) Tổ chức, cá nhân mà trong mối quan hệ với tổ chức, cá nhân khác trực tiếp, gián tiếp kiểm soát hoặc bị kiểm soát bởi tổ chức, cá nhân đó hoặc cùng với tổ chức, cá nhân đó chịu chung một sự kiểm soát;

d) Cá nhân và bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, vợ, chồng, con đẻ, con nuôi, con dâu, con rể, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của cá nhân đó;

đ) Quan hệ hợp đồng trong đó một tổ chức, cá nhân là đại diện cho tổ chức, cá nhân kia;

e) Tổ chức, cá nhân khác là người có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp 59/2020/QH14.

- **Tổ chức kiểm toán được chấp thuận:** là tổ chức kiểm toán độc lập thuộc danh sách các tổ chức kiểm toán được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán theo quy định của Luật Chứng khoán và pháp luật về kiểm toán độc lập.

- **Đơn vị trực thuộc:** là các đơn vị phụ thuộc và nằm trong tổ chức bộ máy nội bộ của Công ty, có chức năng, nhiệm vụ tham mưu, giúp việc cho Tổng Giám đốc hoặc chức năng, nhiệm vụ sản xuất, kinh doanh dưới quyền chỉ đạo, điều hành của Ban Tổng Giám đốc.

2. Trong Quy chế này, các tham chiếu tới một hoặc một số điều khoản của Điều lệ hoặc văn bản pháp luật sẽ bao gồm cả những sửa đổi bổ sung hoặc văn bản thay thế các văn bản đó.

#### **Điều 4. Nguyên tắc công bố thông tin**

1. Việc công bố thông tin phải đầy đủ, chính xác, kịp thời theo quy định pháp luật nhằm đảm bảo yêu cầu công khai, minh bạch về hoạt động của doanh nghiệp; bảo đảm tính hiệu quả, hiệu lực trong hoạt động quản lý và giám sát của cơ quan nhà nước và xã hội.
2. Đối tượng công bố thông tin theo quy định tại Khoản 2 Điều 1 Quy chế này phải chịu trách nhiệm về nội dung thông tin công bố. Trường hợp có sự thay đổi nội dung

thông tin đã công bố, đối tượng công bố thông tin phải công bố nội dung thay đổi và lý do thay đổi so với thông tin đã công bố trước đó.

3. Khi công bố thông tin, Đối tượng công bố thông tin theo quy định tại Khoản 2 Điều 1 Quy chế này phải đồng thời báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội về nội dung thông tin công bố, bao gồm đầy đủ các thông tin theo quy định.
4. Việc công bố các thông tin cá nhân bao gồm: Căn cước công dân, Chứng minh nhân dân, Chứng minh quân nhân, Hộ chiếu còn hiệu lực, địa chỉ liên lạc, địa chỉ thường trú, số điện thoại, số fax, thư điện tử, số tài khoản giao dịch chứng khoán, số tài khoản lưu ký chứng khoán, số tài khoản ngân hàng, mã số giao dịch của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài sở hữu trên 50% vốn điều lệ chỉ được thực hiện nếu chủ thể liên quan đồng ý.
5. Trường hợp thông tin công bố bao gồm các thông tin cá nhân quy định tại Khoản 4 Điều 4 Quy chế này và các đối tượng công bố thông tin không đồng ý công khai các thông tin này thì phải gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội 02 bản tài liệu, trong đó 01 bản báo cáo về việc công bố thông tin bao gồm đầy đủ thông tin cá nhân và 01 bản báo cáo không bao gồm thông tin cá nhân để Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội thực hiện công khai thông tin.
6. Ngôn ngữ thông tin công bố trên thị trường chứng khoán là tiếng Việt. Trường hợp công bố thông tin bằng tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung thông tin công bố bằng tiếng Anh chỉ có tính tham khảo.
7. Các đối tượng công bố thông tin là tổ chức phải thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin qua 01 người đại diện pháp luật của doanh nghiệp hoặc 01 cá nhân là người được ủy quyền công bố thông tin của tổ chức đó.

Tổ chức phải đăng ký, đăng ký lại người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền công bố thông tin theo Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 cùng với bản cung cấp thông tin của người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền công bố thông tin theo Phụ lục III ban hành theo Thông tư 96/2020/TT-BTC cho UBCKNN và SGDCCKHN tối thiểu 24 giờ kể từ khi việc chỉ định, ủy quyền hoặc thay đổi người thực hiện công bố thông tin có hiệu lực và gửi Giấy ủy quyền theo mẫu quy định tại Biểu số 1 Phụ lục II kèm theo Nghị định 47/2021/NĐ-CP ngày 01/04/2021 đến cơ quan đại diện chủ sở hữu và Bộ Kế hoạch và Đầu tư; đồng thời công khai nội dung này trên trang thông tin điện tử của doanh nghiệp.

## Điều 5. Phương tiện công bố thông tin

STT	Đối tượng tiếp nhận công bố thông tin	Phương tiện công bố thông tin
1	Công ty	Chuyên mục về Quan hệ cổ đông (nhà đầu tư) trên trang thông tin điện tử (website) của Công ty.(*)
2	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước	Hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước - IDS Pro.
3	Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội	Trang thông tin điện tử của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội - Hệ thống CIMS.
4	Cơ quan chủ sở hữu (Công ty Đầu tư Tài chính Nhà nước TPHCM)	Trang thông tin điện tử của cơ quan chủ sở hữu
5	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Cổng thông tin doanh nghiệp
6	Phương tiện thông tin đại chúng khác theo quy định của pháp luật trong một số trường hợp	Trang thông tin điện tử của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.
7		Báo in, Báo điện tử, v.v...

### (\*) Lưu ý:

- Trường hợp nghĩa vụ công bố thông tin phát sinh vào ngày nghỉ, ngày lễ, Công ty vẫn thực hiện công bố thông tin trên Chuyên mục về Quan hệ cổ đông của Công ty vào ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định pháp luật. Công ty thực hiện đầy đủ nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định pháp luật vào ngày làm việc liền sau ngày nghỉ, ngày lễ.
- Công ty khi lập trang thông tin điện tử phải báo cáo với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và công khai địa chỉ trang thông tin điện tử và mọi thay đổi liên quan đến địa chỉ này trong thời hạn **03 ngày làm việc**, kể từ ngày hoàn tất việc lập trang thông tin điện tử hoặc khi thay đổi địa chỉ trang thông tin điện tử này.
- Trang thông tin điện tử phải hiển thị thời gian đăng tải thông tin, đồng thời phải đảm bảo nhà đầu tư có thể dễ dàng tìm kiếm và tiếp cận được các dữ liệu trên trang thông tin điện tử đó.
- Các thông tin công bố định kỳ, thông tin về việc đăng ký công ty đại chúng phải được lưu giữ dưới dạng văn bản (nếu có) và dữ liệu điện tử tối thiểu 10 năm. Các thông tin này phải được lưu giữ và truy cập được trên trang thông tin điện tử của đối tượng công bố thông tin tối thiểu là 05 năm;

- Các thông tin công bố bất thường hoặc theo yêu cầu hoặc các hoạt động khác phải được lưu giữ và truy cập được trên trang thông tin điện tử của đối tượng công bố thông tin tối thiểu 05 năm.

#### **Điều 6. Tạm hoãn công bố thông tin**

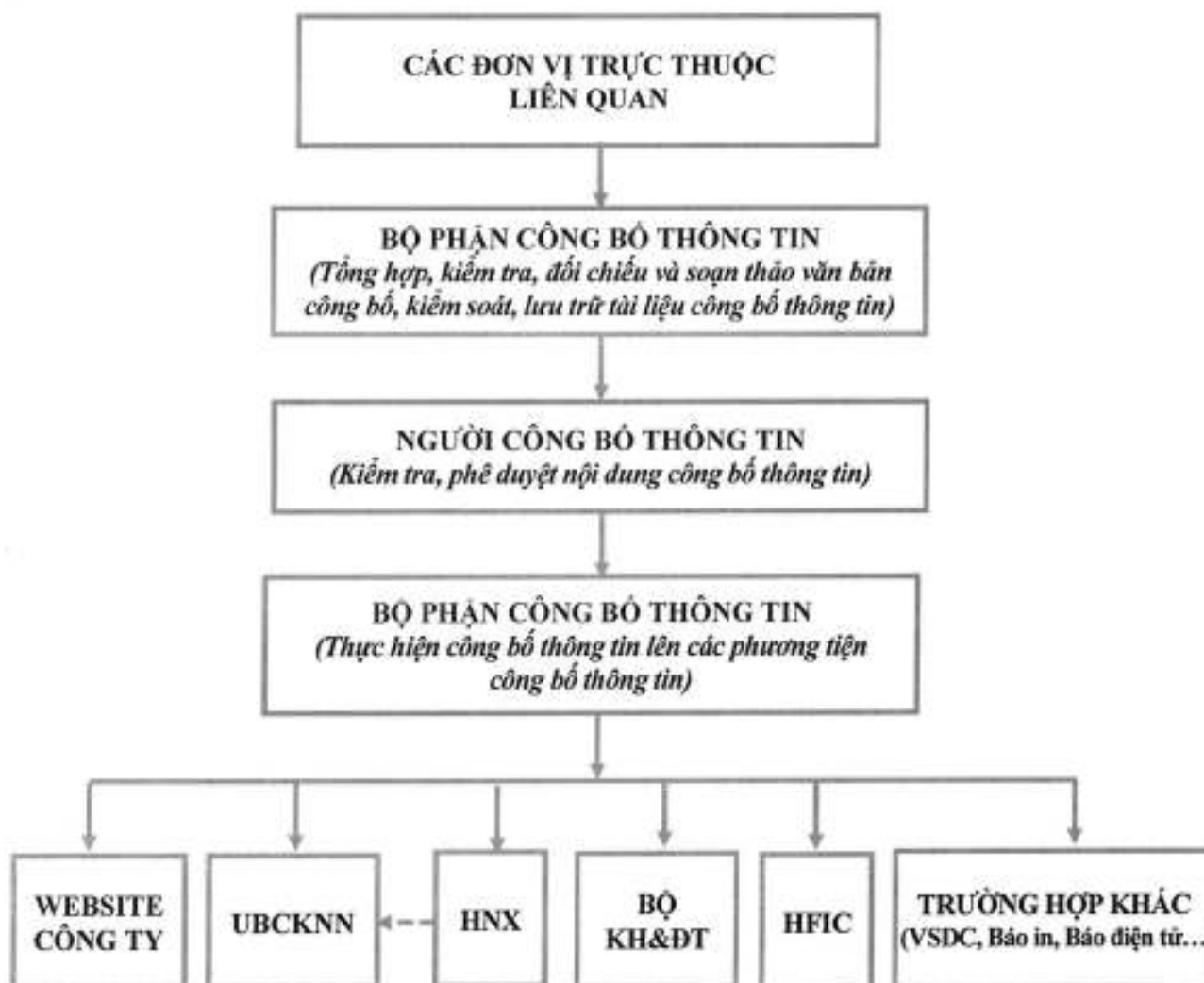
1. Đối tượng công bố thông tin được tạm hoãn công bố thông tin trong trường hợp vì những lý do bất khả kháng như: Thiên tai, hỏa hoạn, chiến tranh, dịch bệnh và các lý do bất khả kháng khác. Đối tượng công bố thông tin phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội về việc tạm hoãn công bố thông tin ngay khi xảy ra sự kiện (trong đó nêu rõ lý do của việc tạm hoãn công bố thông tin), đồng thời công bố về việc tạm hoãn công bố thông tin.
2. Đối với các nội dung công bố thông tin theo quy định tại Nghị định 47/2021/NĐ-CP, trong trường hợp việc công bố thông tin không thể thực hiện đúng thời hạn vì lý do bất khả kháng hoặc cản sự chấp thuận của cơ quan đại diện chủ sở hữu đối những nội dung cần hạn chế công bố thông tin, Công ty báo cáo cơ quan đại diện chủ sở hữu về việc tạm hoãn công bố thông tin. Công ty phải công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty việc tạm hoãn công bố thông tin, đồng thời phải thực hiện công bố thông tin ngay sau khi sự kiện bất khả kháng được khắc phục hoặc sau khi có ý kiến của cơ quan đại diện chủ sở hữu đối với các nội dung cần hạn chế công bố thông tin.
3. Ngay sau khi đã khắc phục được tình trạng bất khả kháng, đối tượng công bố thông tin có trách nhiệm công bố đầy đủ các thông tin mà trước đó chưa công bố theo quy định pháp luật.

10/10/2021 10:00

## CHƯƠNG II NỘI DUNG CÔNG BỐ THÔNG TIN

### Điều 7. Lưu đồ thực hiện

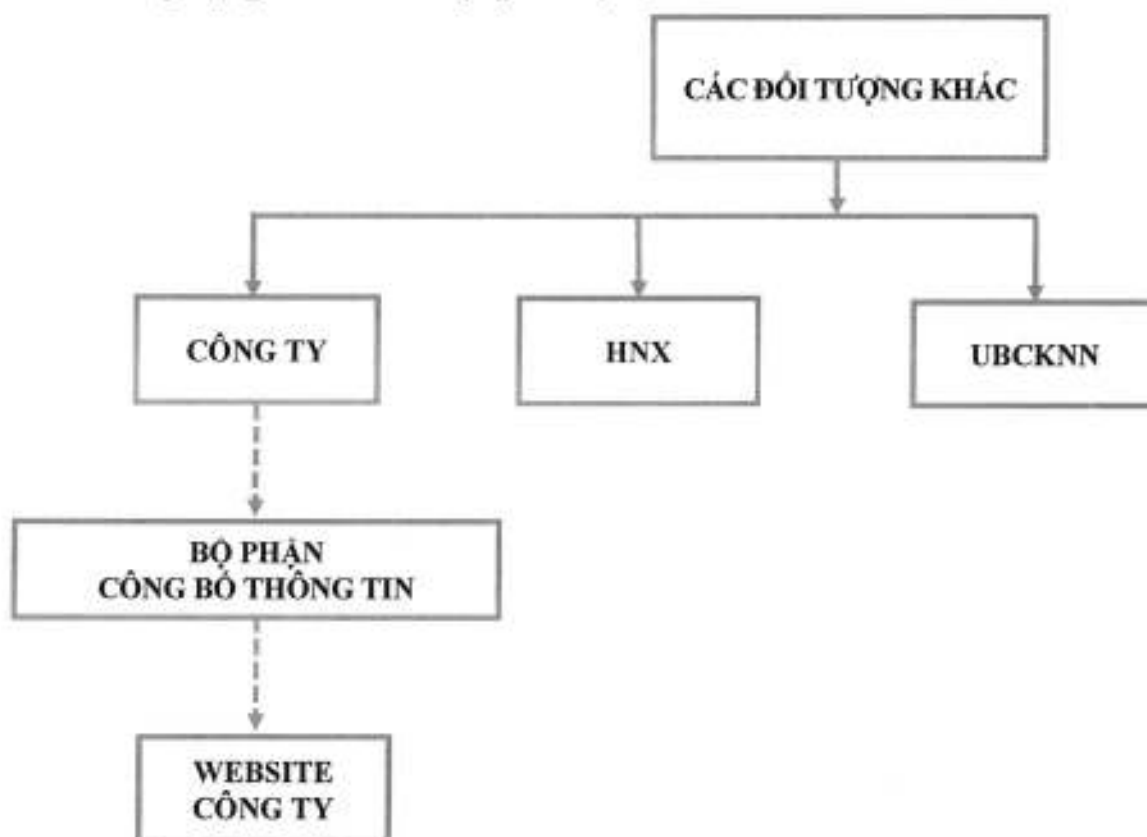
1. Áp dụng các đơn vị trực thuộc có liên quan theo quy định tại Điểm a và b Khoản 2 Điều 1 Quy chế này:



**Ghi chú:**

---> : Áp dụng cho các nội dung công bố thông tin áp dụng chế độ công bố thông tin một đầu mối của Ủy ban chứng khoán nhà nước Việt Nam.

## 2. Áp dụng với các đối tượng khác (\*\*)



**Ghi chú:**   
 ———> : Gửi trực tiếp Công ty, UBCKNN và HNX  
 - - - -> : Bộ phận Công bố thông tin tiếp nhận thông tin từ đối tượng khác thực hiện rà soát, trình Người công bố phê duyệt và công bố lên Website công ty.

(\*\*) Đối tượng khác là đối tượng Quy định tại Điểm c Khoản 2 Điều 1 Quy chế này gồm Người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ, cổ đông lớn, nhóm người có liên quan nắm giữ từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty.

### Điều 8. Các nội dung công bố thông tin

1. Các đơn vị trực thuộc liên quan thực hiện các nội dung công bố thông tin theo Phụ lục 1 đính kèm.
2. Các đối tượng khác thực hiện công bố thông tin theo quy định tại Phụ lục 2 đính kèm.

### **CHƯƠNG III**

#### **TRÁCH NHIỆM THỰC HIỆN VÀ XỬ LÝ VI PHẠM**

#### **Điều 9. Trách nhiệm phối hợp giữa người công bố thông tin, bộ phận công bố thông tin và các đơn vị liên quan**

1. Người công bố thông tin chịu trách nhiệm về thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin của Công ty với UBCKNN, SGDCKHN, Bộ KH&ĐT, nhà đầu tư và những người có liên quan khác theo các quy định của pháp luật và Điều lệ của Công ty.

2. Bộ phận công bố thông tin trong phạm vi chức năng của mình tiếp nhận, xử lý các thông tin từ các phòng ban chức năng cung cấp các thông tin theo nội dung Quy chế này, trình Người công bố thông tin phê duyệt trước khi thực hiện công bố thông tin theo quy định. Trưởng các phòng ban chức năng chịu trách nhiệm về tính chính xác và kịp thời của các thông tin cung cấp cho bộ phận công bố thông tin.

3. Đối với những thông tin bất thường, thông tin cung cấp theo yêu cầu phải công bố theo quy định, các phòng ban liên quan (nơi phát sinh thông tin cần cung cấp) có trách nhiệm cung cấp thông tin cho bộ phận công bố thông tin trong vòng 08 giờ kể từ khi phát sinh sự kiện công bố thông tin.

4. Người công bố thông tin phải giám sát việc công bố thông tin và báo cáo Hội đồng quản trị kết quả thực hiện.

#### **Điều 10. Xử lý vi phạm về công bố thông tin**

1. Các đối tượng được quy định tại Khoản 2 Điều 1 Quy chế này có hành vi vi phạm các quy định tại Quy chế này, vi phạm các quy định của pháp luật gây thiệt hại cho Công ty liên quan đến việc thực hiện, quản lý hoạt động công bố thông tin thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

2. Việc xử lý vi phạm về công bố thông tin được thực hiện theo quy định tại:

- Nghị định số 156/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán và các văn bản pháp luật có liên quan khác.

- Nghị định 128/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán và các văn bản pháp luật có liên quan khác.

- Nghị định 122/2021/NĐ-CP ngày 28/12/2021 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế hoạch và đầu tư (Điều 61. Vi phạm về công bố thông tin doanh nghiệp nhà nước).

Đơn vị, cá nhân thuộc Công ty có hành vi vi phạm các quy định tại Quy chế này, vi phạm các quy định của pháp luật gây thiệt hại cho Công ty liên quan đến việc thực hiện, quản lý hoạt động công bố thông tin thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

**Điều 11. Thẩm quyền xử lý vi phạm**

1. Đối với vi phạm phát sinh từ người công bố thông tin: Việc xử lý vi phạm sẽ được thực hiện theo quy định pháp luật và thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

2. Đối với vi phạm phát sinh từ cá nhân trực thuộc phòng ban: Việc xử lý vi phạm sẽ được thực hiện theo quy định pháp luật và thẩm quyền của Tổng Giám đốc.

**Điều 12. Triển khai thực hiện**

1. Căn cứ vào nội dung Quy chế, các đối tượng có liên quan có trách nhiệm triển khai thực hiện.

2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến nghĩa vụ công bố thông tin chưa được đề cập trong Quy chế này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Quy chế thì những quy định pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh nghĩa vụ công bố thông tin của các đối tượng có nghĩa vụ công bố thông tin liên quan.

3. Việc sửa đổi bổ sung Quy chế này do Chủ tịch Hội đồng quản trị quyết định sau khi được Hội đồng quản trị thông qua.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH *ll*  
  
Trần Văn Hùng



**PHỤ LỤC 1 HƯỚNG DẪN NỘI DUNG CÔNG BỐ THÔNG TIN**

STT	Nội dung	Thời hạn công bố thông tin	Thời gian cung cấp thông tin	Đơn vị trực thuộc liên quan /Bộ phận cung cấp thông tin	Phương tiện công bố thông tin	Ghi chú
<b>A. CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ</b>						
<b>I. BÁO CÁO TÀI CHÍNH</b>						
1	Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán	Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán nhưng không vượt quá 90 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính	Trước ít nhất 01 ngày làm việc trước ngày hết hạn theo quy định	Phòng Kế toán Tài chính	- Trang Web Công ty - CIMS	
2	Báo cáo tài chính bán niên đã được soát xét	Trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo soát xét nhưng không được vượt quá 45 ngày, kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm tài chính	Trước ít nhất 01 ngày làm việc trước ngày hết hạn theo quy định	Phòng Kế toán Tài chính	- Trang Web Công ty - CIMS	
3	Báo cáo tài chính Quý	Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày kết thúc quý	Trước ít nhất 01 ngày làm việc trước ngày hết hạn theo quy định	Phòng Kế toán Tài chính	- Trang Web Công ty - CIMS	
<p>Lưu ý: Khi công bố các Báo cáo tài chính nêu trên, phải đồng thời giải trình nguyên nhân khi xảy ra một trong các trường hợp sau:</p> <p>a) Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước;</p> <p>b) Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại;</p> <p>c) Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán hoặc soát xét từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại;</p> <p>d) Đối với Báo cáo tài chính bán niên đã được soát xét phải kèm thêm kết luận soát xét và văn bản giải trình của công ty trong trường hợp kết luận soát xét không phải là kết luận chấp nhận toàn phần;</p>						

STT	Nội dung	Thời hạn công bố thông tin	Thời gian cung cấp thông tin	Đơn vị trực thuộc liên quan /Bộ phận cung cấp thông tin	Phương tiện công bố thông tin	Ghi chú
đ) Đối với Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán phải kèm thêm văn bản giải trình của công ty trong trường hợp tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính;						
<b>II BẢO CÁO THƯỜNG NIÊN</b>						
1	Báo cáo thường niên	Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày công bố báo cáo tài chính năm được kiểm toán nhưng không vượt quá 110 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.	Trước ít nhất 01 ngày làm việc trước ngày hết hạn theo quy định	Người phụ trách quản trị Công ty / Thư ký Công ty	- Trang Web Công ty - CIMS	Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và các đơn vị trực thuộc trong Công ty phối hợp
<b>III BẢO CÁO TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY</b>						
1	Báo cáo tình hình quản trị 06 tháng đầu năm	Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm	Trước ít nhất 01 ngày làm việc trước ngày hết hạn theo quy định	Người phụ trách quản trị Công ty / Thư ký Công ty	- Trang Web Công ty - CIMS	Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và các đơn vị trực thuộc trong Công ty phối hợp
2	Báo cáo tình hình quản trị năm	Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày kết thúc năm dương lịch.	Trước ít nhất 01 ngày làm việc trước ngày hết hạn theo quy định	Người phụ trách quản trị Công ty / Thư ký Công ty	- Trang Web Công ty - CIMS	Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và các đơn vị trực thuộc trong Công ty phối hợp

STT	Nội dung	Thời hạn công bố thông tin	Thời gian cung cấp thông tin	Đơn vị trực thuộc liên quan /Bộ phận cung cấp thông tin	Phương tiện công bố thông tin	Ghi chú
<b>IV ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG</b>						
1	Công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội	Tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng	Trước ít nhất 01 ngày làm việc trước ngày hết hạn theo quy định	Người phụ trách quản trị Công ty / Thư ký Công ty	- Trang Web Công ty - CIMS	Tổ quản lý cổ đông phối hợp
2	Tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông	Tối thiểu 21 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông	Trước ít nhất 01 ngày làm việc trước ngày hết hạn theo quy định	Người phụ trách quản trị Công ty / Thư ký Công ty	- Trang Web Công ty - CIMS	Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và các đơn vị trực thuộc phối hợp
3	Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Biên bản họp và tài liệu kèm theo biên bản, Nghị quyết	Công bố thông tin trong thời hạn 24 giờ	Trong vòng 24 giờ	Hội đồng quản trị, và các cá nhân được phân công trong Đại hội	- Trang Web Công ty - CIMS	
<b>V LẤY Ý KIẾN CỔ ĐÔNG BẰNG VĂN BẢN</b>						
1	Công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội	Tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng	Trước ít nhất 01 ngày làm việc trước ngày hết hạn theo quy định	Người phụ trách quản trị Công ty / Thư ký Công ty	- Trang Web Công ty - CIMS	Tổ quản lý cổ đông phối hợp
2	Phiếu lấy ý kiến, dự thảo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo Nghị quyết	Tối thiểu 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến	Trước ít nhất 01 ngày làm việc trước ngày hết hạn theo quy định	Người phụ trách quản trị Công ty / Thư ký Công ty	- Trang Web Công ty - CIMS	
3	Biên bản kiểm phiếu và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi thông qua Nghị quyết và Biên bản kiểm phiếu lấy ý kiến	Trong vòng 24 giờ	Hội đồng quản trị, Ban Kiểm phiếu theo Quyết định của Hội đồng quản trị	- Trang Web Công ty - CIMS	Ban Kiểm phiếu lấy ý kiến phối hợp

STT	Nội dung	Thời hạn công bố thông tin	Thời gian cung cấp thông tin	Đơn vị trực thuộc liên quan /Bộ phận cung cấp thông tin	Phương tiện công bố thông tin	Ghi chú
<b>VI</b>	<b>DANH SÁCH CỔ ĐÔNG NHÀ NƯỚC, CỔ ĐÔNG LỚN</b>					
1	Danh sách cổ đông nhà nước, cổ đông lớn tại thời điểm 06 tháng đầu năm dương lịch	Chậm nhất là ngày 30/7 (căn cứ danh sách cổ đông được chốt đến thời điểm gần nhất trước ngày 30/06)	Trước ít nhất 01 ngày làm việc trước ngày hết hạn theo quy định	Tổ quản lý cổ đông	- Trang Web Công ty - CIMS	
2	Danh sách cổ đông nhà nước, cổ đông lớn tại thời điểm 06 tháng cuối năm dương lịch	Chậm nhất là ngày 30/01 năm sau (căn cứ danh sách cổ đông được chốt đến thời điểm gần nhất trước ngày 31/12)	Trước ít nhất 01 ngày làm việc trước ngày hết hạn theo quy định	Tổ quản lý cổ đông	- Trang Web Công ty - CIMS	
<b>VII</b>	<b>CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN DOANH NGHIỆP DO BỘ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ QUẢN LÝ VÀ VẬN HÀNH (THEO QUY ĐỊNH TẠI NGHỊ ĐỊNH 47/2021/NĐ-CP NGÀY 01/04/2021 CỦA CHÍNH PHỦ VÀ QUYẾT ĐỊNH 68/QĐ-HĐTV NGÀY 15/02/2023 CỦA CÔNG TY ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NHÀ NƯỚC TPHCM (HFIC))</b>					
1	Báo cáo đánh giá về kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất, kinh doanh hàng năm theo nội dung quy định tại Biểu số 3 Phụ lục II	Trước ngày 31 tháng 3 của năm thực hiện	Trước ít nhất 01 ngày làm việc trước ngày hết hạn theo quy định	Phòng Kế hoạch Vật tư chủ trì, Phòng Kế toán Tài chính phối hợp	- Cổng thông tin doanh nghiệp của Bộ KH&ĐT - Gửi báo cáo HFIC - Trang thông tin điện tử HFIC	
2	Báo cáo thực trạng quản trị và cơ cấu tổ chức 06 tháng của doanh nghiệp theo nội dung quy định tại Biểu số 5 Phụ lục II	Trước ngày 31 tháng 7 hàng năm	Trước ít nhất 01 ngày làm việc trước ngày hết hạn theo quy định	Người phụ trách quản trị Công ty / Thư ký Công ty	- Cổng thông tin doanh nghiệp của Bộ KH&ĐT - Gửi báo cáo HFIC - Trang thông tin điện tử HFIC	

STT	Nội dung	Thời hạn công bố thông tin	Thời gian cung cấp thông tin	Đơn vị trực thuộc liên quan /Bộ phận cung cấp thông tin	Phương tiện công bố thông tin	Ghi chú
3	Báo cáo thực trạng quản trị và cơ cấu tổ chức hàng năm của doanh nghiệp theo nội dung quy định tại Biểu số 6 Phụ lục II	Trước ngày 30 tháng 6 của năm liền sau năm thực hiện	Trước ít nhất 01 ngày làm việc trước ngày hết hạn theo quy định	Người phụ trách quản trị Công ty / Thư ký Công ty	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cổng thông tin doanh nghiệp của Bộ KH&amp;ĐT</li> <li>- Gửi báo cáo HFIC</li> <li>- Trang thông tin điện tử HFIC</li> </ul>	Phòng Kế hoạch Vật tư, Phòng Kế toán Tài chính, Phòng Tổ chức Hành chính phối hợp
4	Báo cáo và tóm tắt báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán độc lập	Trong vòng 150 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính	Trước ít nhất 01 ngày làm việc trước ngày hết hạn theo quy định	Phòng Kế toán Tài chính	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cổng thông tin doanh nghiệp của Bộ KH&amp;ĐT</li> <li>- Gửi báo cáo HFIC</li> <li>- Trang thông tin điện tử HFIC</li> </ul>	
<b>B. CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG</b>						
1	Tài khoản của công ty tại ngân hàng bị phong tỏa theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền hoặc khi tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán phát hiện có dấu hiệu gian lận, vi phạm pháp luật liên quan đến tài khoản thanh toán; tài khoản được phép hoạt động trở lại sau khi bị phong tỏa trong các trường hợp quy định tại điểm này	Trong vòng trong thời hạn 24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	Trong vòng 24 giờ	Phòng Kế toán Tài chính	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trang Web Công ty</li> <li>- IDS Pro</li> <li>- CIMS</li> <li>- Cổng thông tin doanh nghiệp của Bộ KH&amp;ĐT</li> <li>- Gửi báo cáo HFIC</li> <li>- Trang thông tin điện tử HFIC</li> </ul>	

STT	Nội dung	Thời hạn công bố thông tin	Thời gian cung cấp thông tin	Đơn vị trực thuộc liên quan /Bộ phận cung cấp thông tin	Phương tiện công bố thông tin	Ghi chú
2	Khi nhận được văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc khi công ty có quyết định về tạm ngừng một phần hoặc toàn bộ hoạt động kinh doanh; thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp; thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; sửa đổi, bổ sung hoặc bị đình chỉ, thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép hoạt động	Trong vòng trong thời hạn 24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	Trong vòng 24 giờ	- Phòng Kế hoạch Vật tư - Phòng Tổ chức Hành chính - Phòng Kế toán Tài chính	- Trang Web Công ty - IDS Pro - CIMS - Cổng thông tin doanh nghiệp của Bộ KH&ĐT - Gửi báo cáo HFIC - Trang thông tin điện tử HFIC	
3	Quyết định mua lại cổ phiếu của công ty hoặc bán cổ phiếu quỹ; ngày thực hiện quyền mua cổ phần của người sở hữu trái phiếu kèm theo quyền mua cổ phần hoặc ngày thực hiện chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu; quyết định chào bán chứng khoán ra nước ngoài và các quyết định liên quan đến việc chào bán, phát hành chứng khoán	Trong vòng trong thời hạn 24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	Trong vòng 24 giờ	Người phụ trách quản trị Công ty / Thư ký Công ty	- Trang Web Công ty - IDS Pro - CIMS	

STT	Nội dung	Thời hạn công bố thông tin	Thời gian cung cấp thông tin	Đơn vị trực thuộc liên quan /Bộ phận cung cấp thông tin	Phương tiện công bố thông tin	Ghi chú
4	Quyết định về mức cổ tức, hình thức trả cổ tức, thời gian trả cổ tức; quyết định tách, gộp cổ phiếu	Trong vòng trong thời hạn 24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	Trong vòng 24 giờ	Người phụ trách quản trị Công ty / Thư ký Công ty	- Trang Web Công ty - IDS Pro - CIMS	
5	Quyết định về việc tổ chức lại doanh nghiệp (chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp), giải thể, phá sản doanh nghiệp; thay đổi mã số thuế, thay đổi tên công ty, con dấu của công ty; thay đổi địa điểm; thành lập mới hoặc đóng cửa trụ sở chính, chi nhánh, nhà máy, văn phòng đại diện; ban hành, sửa đổi, bổ sung Điều lệ; chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của công ty	Trong vòng trong thời hạn 24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	Trong vòng 24 giờ	- Phòng Kế hoạch Vật tư - Phòng Tổ chức Hành chính - Phòng Kế toán Tài chính - Người phụ trách quản trị Công ty / Thư ký Công ty	- Trang Web Công ty - IDS Pro - CIMS - Cổng thông tin doanh nghiệp của Bộ KH&ĐT - Gửi báo cáo HFIC - Trang thông tin điện tử HFIC	

STT	Nội dung	Thời hạn công bố thông tin	Thời gian cung cấp thông tin	Đơn vị trực thuộc liên quan /Bộ phận cung cấp thông tin	Phương tiện công bố thông tin	Ghi chú
6	Quyết định thay đổi kỳ kế toán, chính sách kế toán áp dụng (trừ trường hợp thay đổi chính sách kế toán áp dụng do thay đổi quy định pháp luật); thông báo doanh nghiệp kiểm toán đã ký hợp đồng kiểm toán báo cáo tài chính năm hoặc thay đổi doanh nghiệp kiểm toán (sau khi đã ký hợp đồng); việc hủy hợp đồng kiểm toán đã ký	Trong vòng trong thời hạn 24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	Trong vòng 24 giờ	Phòng Kế toán Tài chính	- Trang Web Công ty - IDS Pro - CIMS	
7	Quyết định tham gia góp vốn thành lập, mua để tăng sở hữu trong một công ty dẫn đến công ty đó trở thành công ty con, công ty liên kết hoặc bán để giảm tỷ lệ sở hữu tại công ty con, công ty liên kết dẫn đến công ty đó không còn là công ty con, công ty liên kết hoặc giải thể công ty con, công ty liên kết	Trong vòng trong thời hạn 24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	Trong vòng 24 giờ	- Phòng Kế hoạch Vật tư - Phòng Tổ chức Hành chính - Phòng Kế toán Tài chính	- Trang Web Công ty - IDS Pro - CIMS	



STT	Nội dung	Thời hạn công bố thông tin	Thời gian cung cấp thông tin	Đơn vị trực thuộc liên quan /Bộ phận cung cấp thông tin	Phương tiện công bố thông tin	Ghi chú
8	Quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị thông qua hợp đồng, giao dịch giữa công ty với người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ hoặc người có liên quan của công ty đại chúng	Trong vòng trong thời hạn 24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	Trong vòng 24 giờ	Người phụ trách quản trị Công ty / Thư ký Công ty	- Trang Web Công ty - IDS Pro - CIMS	
9	Khi có sự thay đổi số cổ phiếu có quyền biểu quyết. Thời điểm công bố thông tin thực hiện như sau:					
	- Trường hợp công ty phát hành thêm cổ phiếu hoặc chuyển đổi trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi thành cổ phiếu, tính từ thời điểm công ty báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về kết quả phát hành, kết quả chuyển đổi theo quy định pháp luật về phát hành chứng khoán;	Trong vòng trong thời hạn 24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	Trong vòng 24 giờ	Người phụ trách quản trị Công ty / Thư ký Công ty	- Trang Web Công ty - IDS Pro - CIMS	Tổ quản lý cổ đông phối hợp

STT	Nội dung	Thời hạn công bố thông tin	Thời gian cung cấp thông tin	Đơn vị trực thuộc liên quan /Bộ phận cung cấp thông tin	Phương tiện công bố thông tin	Ghi chú
	- Trường hợp công ty mua lại cổ phiếu của chính mình hoặc bán cổ phiếu quỹ, tính từ thời điểm công ty báo cáo kết quả giao dịch theo quy định pháp luật về mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ;	Trong vòng trong thời hạn 24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	Trong vòng 24 giờ	Người phụ trách quản trị Công ty / Thư ký Công ty	- Trang Web Công ty - IDS Pro - CIMS	Tổ quản lý cổ đông phối hợp
	- Trường hợp công ty mua lại cổ phiếu của người lao động theo quy chế phát hành cổ phiếu cho người lao động của công ty hoặc mua lại cổ phiếu lô lẻ theo yêu cầu của cổ đông	Trong thời hạn 10 ngày đầu tiên của tháng trên cơ sở các giao dịch đã hoàn tất và cập nhật đến ngày công bố thông tin;	Trước ít nhất 01 ngày làm việc trước ngày hết hạn theo quy định	Người phụ trách quản trị Công ty / Thư ký Công ty	- Trang Web Công ty - IDS Pro - CIMS	Tổ quản lý cổ đông phối hợp
10	Công ty thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, bãi nhiệm người nội bộ; nhận được đơn xin từ chức của người nội bộ (công ty cần nêu rõ về thời điểm hiệu lực theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty). Đồng thời, công ty gửi cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao	Trong vòng trong thời hạn 24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	Trong vòng 24 giờ	Người phụ trách quản trị Công ty / Thư ký Công ty	- Trang Web Công ty - IDS Pro - CIMS - Cổng thông tin doanh nghiệp của Bộ KH&ĐT - Gửi báo cáo HFIC - Trang thông tin điện tử HFIC	Phòng Tổ chức Hành chính phối hợp

STT	Nội dung	Thời hạn công bố thông tin	Thời gian cung cấp thông tin	Đơn vị trực thuộc liên quan /Bộ phận cung cấp thông tin	Phương tiện công bố thông tin	Ghi chú
	dịch chứng khoán Bản cung cấp thông tin của người nội bộ mới theo mẫu quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020.					
11	Quyết định mua, bán tài sản hoặc thực hiện các giao dịch có giá trị lớn hơn 15% tổng tài sản của công ty căn cứ vào báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính 06 tháng gần nhất được soát xét.	Trong vòng trong thời hạn 24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	Trong vòng 24 giờ	Phòng Kế hoạch Vật tư	- Trang Web Công ty - IDS Pro - CIMS	
12	Khi nhận được quyết định khởi tố đối với công ty, người nội bộ của công ty; tạm giam, truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người nội bộ của công ty	Trong vòng trong thời hạn 24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	Trong vòng 24 giờ	Phòng Tổ chức Hành chính	- Trang Web Công ty - IDS Pro - CIMS - Cổng thông tin doanh nghiệp của Bộ KH&ĐT - Gửi báo cáo HFIC - Trang thông tin điện tử HFIC	
13	Khi nhận được bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án liên	Trong vòng trong thời hạn 24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	Trong vòng 24 giờ	- Phòng Kế hoạch Vật tư - Phòng Tổ chức Hành chính	- Trang Web Công ty - IDS Pro - CIMS	

STT	Nội dung	Thời hạn công bố thông tin	Thời gian cung cấp thông tin	Đơn vị trực thuộc liên quan /Bộ phận cung cấp thông tin	Phương tiện công bố thông tin	Ghi chú
	quan đến hoạt động của công ty; Quyết định xử phạt vi phạm pháp luật về thuế			- Phòng Kế toán Tài chính	- Cổng thông tin doanh nghiệp của Bộ KH&ĐT - Gửi báo cáo HFIC - Trang thông tin điện tử HFIC	
14	Công ty nhận được thông báo của Tòa án thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản doanh nghiệp	Trong vòng trong thời hạn 24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	Trong vòng 24 giờ	- Phòng Kế hoạch Vật tư - Phòng Tổ chức Hành chính - Phòng Kế toán Tài chính	- Trang Web Công ty - IDS Pro - CIMS - Cổng thông tin doanh nghiệp của Bộ KH&ĐT - Gửi báo cáo HFIC - Trang thông tin điện tử HFIC	
15	Trường hợp công ty nhận biết được sự kiện, thông tin làm ảnh hưởng đến giá chứng khoán của chính công ty, công ty phải xác nhận hoặc đính chính về sự kiện, thông tin đó	Trong vòng trong thời hạn 24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	Trong vòng 24 giờ	- Phòng Kế hoạch Vật tư - Phòng Tổ chức Hành chính - Phòng Kế toán Tài chính	- Trang Web Công ty - IDS Pro - CIMS	
16	Khi xảy ra các sự kiện khác có ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất, kinh doanh hoặc tình hình quản trị của công ty;	Trong vòng trong thời hạn 24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	Trong vòng 24 giờ	- Phòng Kế hoạch Vật tư - Phòng Tổ chức Hành chính - Phòng Kế toán Tài chính	- Trang Web Công ty - IDS Pro - CIMS	
<b><i>Khi công bố thông tin các khoản từ 1-16 Khoản B, phải nêu rõ sự kiện xảy ra, nguyên nhân và các giải pháp khắc phục (nếu có)</i></b>						

STT	Nội dung	Thời hạn công bố thông tin	Thời gian cung cấp thông tin	Đơn vị trực thuộc liên quan /Bộ phận cung cấp thông tin	Phương tiện công bố thông tin	Ghi chú
17	Sau khi thay đổi kỳ kế toán, công bố báo cáo tài chính cho giai đoạn giữa 02 kỳ kế toán của năm tài chính cũ và năm tài chính mới theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp	Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán báo cáo kiểm toán nhưng không quá 90 ngày kể từ ngày bắt đầu của năm tài chính mới	Trước ít nhất 01 ngày làm việc trước ngày hết hạn theo quy định	Phòng Kế toán Tài chính	- Trang Web Công ty - IDS Pro - CIMS	
18	Quyết định tăng, giảm vốn điều lệ;	Trong vòng trong thời hạn 24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	Trong vòng 24 giờ	- Phòng Kế hoạch Vật tư - Phòng Tổ chức Hành chính - Phòng Kế toán Tài chính	- Trang Web Công ty - IDS Pro - CIMS - Cổng thông tin doanh nghiệp của Bộ KH&ĐT - Gửi báo cáo HFIC - Trang thông tin điện tử HFIC	
19	Quyết định góp vốn đầu tư vào một tổ chức, dự án, vay, cho vay hoặc các giao dịch khác với giá trị từ 10% trở lên trên tổng tài sản của công ty tại báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính bán niên gần nhất được soát xét	Trong vòng trong thời hạn 24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	Trong vòng 24 giờ	- Phòng Kế hoạch Vật tư - Phòng Tổ chức Hành chính - Phòng Kế toán Tài chính	- Trang Web Công ty - IDS Pro - CIMS - Cổng thông tin doanh nghiệp của Bộ KH&ĐT - Gửi báo cáo HFIC - Trang thông tin điện tử HFIC	

STT	Nội dung	Thời hạn công bố thông tin	Thời gian cung cấp thông tin	Đơn vị trực thuộc liên quan /Bộ phận cung cấp thông tin	Phương tiện công bố thông tin	Ghi chú
20	Quyết định góp vốn có giá trị từ 50% trở lên vốn điều lệ của một tổ chức (xác định theo vốn điều lệ của tổ chức nhận vốn góp trước thời điểm góp vốn).	Trong vòng trong thời hạn 24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	Trong vòng 24 giờ	- Phòng Kế hoạch Vật tư - Phòng Tổ chức Hành chính - Phòng Kế toán Tài chính	- Trang Web Công ty - IDS Pro - CIMS - Cổng thông tin doanh nghiệp của Bộ KH&ĐT - Gửi báo cáo HFIC - Trang thông tin điện tử HFIC	
<b>C. CÔNG BỐ THÔNG TIN THEO YÊU CẦU</b>						
1	Sự kiện ảnh hưởng nghiêm trọng đến lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư	Trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi nhận được yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi công ty niêm yết, đăng ký giao dịch	Trong vòng 24 giờ	Tổ quản lý cổ đông	- Trang Web Công ty - IDS Pro - CIMS	
2	Có thông tin liên quan đến công ty ảnh hưởng lớn đến giá chứng khoán và cần phải xác nhận thông tin đó	Trong vòng trong thời hạn 24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	Trong vòng 24 giờ	Tổ quản lý cổ đông	- Trang Web Công ty - IDS Pro - CIMS	
Nội dung thông tin công bố theo yêu cầu phải nêu rõ sự kiện được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán yêu cầu công bố; nguyên nhân và đánh giá của công ty về tính xác thực của sự kiện đó, giải pháp khắc phục (nếu có)						

STT	Nội dung	Thời hạn công bố thông tin	Thời gian cung cấp thông tin	Đơn vị trực thuộc liên quan /Bộ phận cung cấp thông tin	Phương tiện công bố thông tin	Ghi chú
3	Các nội dung khác theo văn bản yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (nếu có)	Theo yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (nếu có)	Trước ít nhất 01 ngày làm việc trước ngày hết hạn theo quy định	Các cá nhân, đơn vị có liên quan	Theo yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán	
<b>D. CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC CỦA CÔNG TY</b>						
1	Công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông nhận cổ tức hàng năm	Tối thiểu 10 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng	Trước ít nhất 01 ngày làm việc trước ngày hết hạn theo quy định	Người phụ trách quản trị Công ty / Thư ký Công ty	- Trang Web Công ty - CIMS	Tổ quản lý cổ đông phối hợp
2	Công bố thông tin về hoạt động chào bán, phát hành, niêm yết, đăng ký giao dịch và báo cáo sử dụng vốn: thực hiện chào bán chứng khoán riêng lẻ, chào bán chứng khoán ra công chúng, phát hành chứng khoán, niêm yết, đăng ký giao dịch thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin về hoạt động chào bán, phát hành, niêm yết, đăng ký giao dịch và báo cáo sử dụng vốn theo quy định pháp luật về chào bán, phát hành chứng khoán, niêm yết, đăng ký giao dịch chứng khoán	Thực hiện theo quy định của pháp luật về chào bán chứng khoán	Trước ít nhất 01 ngày làm việc trước ngày hết hạn theo quy định	Người phụ trách quản trị Công ty / Thư ký Công ty	- Trang Web Công ty - IDS Pro - CIMS	

STT	Nội dung	Thời hạn công bố thông tin	Thời gian cung cấp thông tin	Đơn vị trực thuộc liên quan /Bộ phận cung cấp thông tin	Phương tiện công bố thông tin	Ghi chú
3	Công bố thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài: công bố thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa của công ty và các thay đổi liên quan đến tỷ lệ sở hữu này	Theo quy định của pháp luật	Trước ít nhất 01 ngày làm việc trước ngày hết hạn theo quy định	Tổ quản lý cổ đông	- Trang Web Công ty - IDS Pro - CIMS	
4	Công bố thông tin về giao dịch mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ.  Trường hợp mua lại cổ phiếu của chính mình, sau khi thanh toán hết số cổ phiếu mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán giảm hơn 10%.	Công bố thông tin trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày hoàn tất nghĩa vụ thanh toán việc mua lại cổ phiếu	Trước ít nhất 01 ngày làm việc trước ngày hết hạn theo quy định	Người phụ trách quản trị Công ty / Thư ký Công ty	- Trang Web Công ty - IDS Pro - CIMS	
<b>E. THỜI ĐIỂM BẮT ĐẦU THỰC HIỆN VÀ CHẤM DỨT VIỆC CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA CÔNG TY ĐẠI CHỨNG QUY MÔ LỚN</b>						
1	Công ty đại chúng thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin của công ty đại chúng quy mô lớn theo quy định tại Thông tư này kể từ thời điểm có vốn góp của chủ sở hữu từ 120 tỷ đồng trở lên tại báo cáo tài chính năm gần nhất đã được kiểm toán	Theo quy định tại Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020			- Trang Web Công ty - IDS Pro - CIMS	



STT	Nội dung	Thời hạn công bố thông tin	Thời gian cung cấp thông tin	Đơn vị trực thuộc liên quan /Bộ phận cung cấp thông tin	Phương tiện công bố thông tin	Ghi chú
2	Tiếp tục thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin như công ty đại chúng quy mô lớn theo quy định tại Thông tư này ngày 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020	Trong thời hạn 01 năm kể từ ngày không còn là công ty đại chúng quy mô lớn theo quy định tại Khoản 1 Điều 3 Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020	Theo quy định		- Trang Web Công ty - IDS Pro - CIMS	

## PHỤ LỤC 2: HƯỚNG DẪN CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA CÁC ĐỐI TƯỢNG KHÁC

### 1. Công bố thông tin về sở hữu cổ phiếu của cổ đông lớn, nhóm người có liên quan nắm giữ từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty

- Tổ chức, cá nhân khi trở thành hoặc không còn là cổ đông lớn; nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty phải công bố thông tin và báo cáo về giao dịch cho Công ty, UBCKNN và SGDCK theo mẫu quy định tại **Mẫu 16 – CĐL** tại Phụ lục 3 kèm theo Quy chế này trong **thời hạn 05 ngày làm việc**, kể từ ngày trở thành hoặc không còn là cổ đông lớn.
- Cổ đông lớn, nhóm người có liên quan nắm giữ từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty khi có thay đổi về số lượng cổ phiếu qua các ngưỡng 1% số cổ phiếu có quyền biểu quyết phải công bố thông tin và báo cáo cho Công ty, UBCKNN, SGDCK theo **Mẫu 17 – CĐL** tại Phụ lục 3 kèm theo Quy chế này trong **thời hạn 05 ngày làm việc**, kể từ ngày có sự thay đổi trên.

*Ghi chú: Không áp dụng công bố thông tin đối với các đối tượng không chủ động thực hiện giao dịch trong trường hợp thay đổi tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu có quyền biểu quyết phát sinh do Công ty mua lại cổ phiếu của chính mình hoặc phát hành thêm cổ phiếu.*

*Ví dụ: nhà đầu tư A sở hữu 5,2% số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết của tổ chức niêm yết X. Ngày T, ông A đặt lệnh giao dịch mua vào làm tăng tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu X từ 5,2% lên 5,7%. Tiếp sau đó, vào ngày T', ông A đặt lệnh mua tiếp làm tăng tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu X từ 5,7% lên 6,1%. Giao dịch tại ngày T' đã làm cho tỷ lệ sở hữu cổ phiếu X của ông A thay đổi vượt qua ngưỡng 6%, do vậy, trong vòng 05 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc việc thanh toán giao dịch chứng khoán, ông A phải công bố thông tin và báo cáo công ty X, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán về việc thay đổi tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của mình.*

- Công ty công bố trên website của công ty trong vòng **03 ngày làm việc** sau khi nhận được báo cáo liên quan đến sự thay đổi tỷ lệ sở hữu cổ phiếu, quyền mua cổ phiếu, chứng chỉ quỹ của các đối tượng này.

**2. Công bố thông tin về giao dịch của Người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ**

Người nội bộ của Công ty và người có liên quan của đối tượng này phải công bố thông tin, báo cáo trước và sau khi thực hiện giao dịch cho Công ty, UBCKNN và SGDCK khi **giá trị giao dịch dự kiến trong ngày từ 50 triệu đồng trở lên hoặc giá trị giao dịch dự kiến trong từng tháng từ 200 triệu đồng trở lên tính theo mệnh giá (đối với cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi) hoặc theo giá phát hành gần nhất (đối với chứng quyền có bảo đảm) hoặc giá trị chuyển nhượng (đối với quyền mua cổ phiếu, quyền mua trái phiếu chuyển đổi)**, kể cả trường hợp chuyển nhượng không thông qua hệ thống giao dịch tại SGDCK (như các giao dịch cho hoặc được cho, tặng hoặc được tặng, thừa kế, chuyển nhượng hoặc nhận chuyển nhượng chứng khoán và các trường hợp khác), cụ thể như sau:

- Trước khi thực hiện giao dịch: Trước ngày thực hiện giao dịch tối thiểu là 03 ngày làm việc, NNB của Công ty và NCLQ của NNB phải công bố thông tin và báo cáo cho UBCKNN, SGDCK và Công ty về việc dự kiến giao dịch cổ phiếu) theo **Mẫu 18 –NNB** tại Phụ lục 3 kèm theo Quy chế này.
- Thời hạn thực hiện giao dịch không được quá 30 ngày, kể từ ngày đăng ký thực hiện giao dịch và chỉ được bắt đầu tiến hành phiên giao dịch đầu tiên vào ngày giao dịch liền sau ngày có thông tin công bố từ SGDCK (*Trừ trường hợp thực hiện giao dịch mua trong các đợt phát hành cổ phiếu hoặc giao dịch chào mua công khai, đối tượng phải công bố thông tin được miễn trừ nghĩa vụ quy định tại điểm này và thực hiện theo quy định pháp luật về hoạt động chào bán, phát hành, chào mua công khai*).

*Ghi chú: NNB của Công ty và NCLQ của NNB không được đồng thời đăng ký giao dịch mua và bán cổ phiếu trong cùng một đợt đăng ký và phải thực hiện giao dịch theo đúng thời gian và khối lượng đã đăng ký.*

- Sau khi thực hiện giao dịch: Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn tất giao dịch (trường hợp giao dịch kết thúc trước thời hạn đăng ký) hoặc kết thúc thời hạn dự kiến giao dịch, NNB của Công ty và NCLQ của NNB phải báo cáo cho UBCKNN, SGDCK và Công ty về kết quả giao dịch theo **Mẫu 19 –NNB** tại Phụ lục 3 kèm theo Quy chế này, đồng thời giải trình nguyên nhân không thực hiện được giao dịch hoặc không thực hiện hết khối lượng đăng ký (nếu có).

**\* Ghi chú:**

- NNB của Công ty và NCLQ của NNB chỉ được đăng ký và thực hiện giao dịch tiếp theo khi đã báo cáo kết thúc đợt giao dịch trước đó.
- Trường hợp sau khi đăng ký giao dịch, đối tượng đăng ký giao dịch không còn là NNB của Công ty và NCLQ của NNB, đối tượng đăng ký giao dịch vẫn phải thực hiện việc báo cáo và công bố thông tin theo quy định.
- Trường hợp công ty chứng khoán là NCLQ của NNB của tổ chức niêm yết, đăng ký giao dịch, khi thực hiện sửa lỗi giao dịch cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch, công ty phải báo cáo UBCKNN, SGDCK và Công ty trong vòng 24 giờ, kể từ thời điểm hoàn thành giao dịch sửa lỗi.
- Trường hợp công ty mẹ hoặc các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội của Công ty (công đoàn, đoàn thanh niên...), cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ công ty thực hiện giao dịch cổ phiếu phải thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin như quy định đối với người nội bộ.
- Công ty công bố trên website của công ty trong vòng 03 ngày làm việc sau khi nhận được báo cáo liên quan đến giao dịch cổ phiếu của NNB của công ty đại chúng và NCLQ của NNB.











**3. Công bố thông tin về thay đổi người có liên quan của Người nội bộ:**












- Công bố định kỳ: Khi có sự thay đổi người có liên quan của Người nội bộ Công ty, Người nội bộ Công ty thông báo cho Bộ phận công bố thông tin để ghi nhận, tổng hợp vào các nội dung báo cáo định kỳ; đảm bảo cung cấp thông tin trước 02 ngày làm việc của ngày Công ty phải công bố thông tin theo quy định.



*Ví dụ: Ngày công bố Báo cáo tình hình quản trị Công ty 06 tháng đầu năm trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm ngày, tức là ngày 30/07 hàng năm; trường hợp có thay đổi thông tin người có liên quan, Người nội bộ Công ty phải cung cấp thông tin thay đổi chậm nhất trước 02 ngày làm việc trước ngày 30/07.*

- Công bố theo yêu cầu: Khi có yêu cầu công bố thông tin các nội dung liên quan đến người có liên quan của Người nội bộ Công ty của Ủy ban chứng khoán Nhà nước hoặc Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội, Người nội bộ Công ty phải cung cấp thông tin theo tiến độ yêu cầu với thông tin được cập nhật theo thời điểm được yêu cầu.

**PHỤ LỤC 3: CÁC MẪU BIỂU**

STT	Ký hiệu mẫu biểu	File mẫu	Nội dung
1	Mẫu 01 – BCTN	 Mau 01 - BCTN.docx	Báo cáo thường niên (Thông tư số 96/2020/TT-BTC)
2	Mẫu 02 – BCCTT	 Mau 02 - BCCTT.docx	Bản cung cấp thông tin người nội bộ (Thông tư số 96/2020/TT-BTC)
3	Mẫu 03 – BCQT	 Mau 03 - BCQT.docx	Báo cáo quản trị 06 tháng đầu năm/năm (Thông tư số 96/2020/TT-BTC)
4	Mẫu 04 - BC	 Mau 04 - BC.docx	Báo cáo tiến độ sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán (Nghị định số 155/2020/NĐ-CP)
5	Mẫu 05 - THQ	 Mau 05 - THQ	Thông tin liên quan đến ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu (Quyết định 02 /QĐ-VSD ban hành ngày 02 tháng 01 năm 2020)
6	Mẫu 06 - DS	 Mau 06 - DS	Danh sách cổ đông nhà nước, cổ đông lớn của Công ty đại chúng niêm yết/đăng ký giao dịch (Quyết định số 606/QĐ-SGDHN)
7	Mẫu 07 - NS	 Mau 07 - NS	Thay đổi nhân sự (Quyết định số 606/QĐ-SGDHN)
8	Mẫu 08 - NNB	 Mau 08 - NNB	Danh sách người nội bộ và người có liên quan (Quyết định số 606/QĐ-SGDHN)
9	Mẫu 09 - TB	 Mau 09 - NNB	Thông báo thay đổi người có liên quan của người nội bộ (Quyết định số 606/QĐ-SGDHN)
10	Mẫu 10 - DKDN	 Mau 10 - DKDN	Thông báo thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy phép thành lập và hoạt động/Giấy phép hoạt động (Quyết định số 606/QĐ-SGDHN)

STT	Ký hiệu mẫu biểu	File mẫu	Nội dung
11	Mẫu 11 - MHCT	 Mau 11 - MHCT	Thông báo (thay đổi) mô hình công ty và loại báo cáo tài chính (Quyết định số 606/QĐ-SGDHN)
12	Mẫu 12 - SLCP	 Mau 12 - SLCP	Thông báo thay đổi số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết đang lưu hành (Quyết định số 606/QĐ-SGDHN)
13	Mẫu 13 - CBTT	 Mau 13 - CBTT	Công bố thông tin bất thường (Quyết định số 606/QĐ-SGDHN)
14	Mẫu 14 - QTCT	 Mau 14 - QTCT	Bảng cung cấp thông tin về quản trị công ty (Quyết định số 606/QĐ-SGDHN)
15	Mẫu 15 - KT CBTT	 Mau 15 - CBTT	Thông báo về việc kết thúc nghĩa vụ công bố thông tin đối với công ty đại chúng quy mô lớn (Quyết định số 606/QĐ-SGDHN)
16	Mẫu 16 - CDL	 Mau 16 - CDL.docx	Báo cáo về ngày trở thành/không còn là cổ đông lớn (Thông tư số 96/2020/TT-BTC)
17	Mẫu 17 - CDL	 Mau 17 - CDL.docx	Báo cáo về giao dịch cổ phiếu của cổ đông lớn, nhà đầu tư sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của công ty khi có thay đổi số lượng cổ phiếu qua các ngưỡng 1% số cổ phiếu có quyền biểu quyết (Thông tư số 96/2020/TT-BTC)
18	Mẫu 18 - GD NNB	 Mau 18 - NNB.docx	Thông báo Giao dịch cổ phiếu của Người nội bộ và người có liên quan của của người nội bộ (Thông tư số 96/2020/TT-BTC)
19	Mẫu 19 - GD NNB	 Mau 19 - NNB.docx	Báo cáo Kết quả giao dịch cổ phiếu của Người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ (Thông tư số 96/2020/TT-BTC)
20	Mẫu 20 - BKHĐT	 Mẫu 20-BKHĐT.docx	Giấy ủy quyền thực hiện công bố thông tin Biểu số 1 Phụ lục II (Nghị định 47/2021/NĐ-CP)
21	Mẫu 21 - BKHĐT	 Mẫu 21-BKHĐT.docx	Báo cáo đánh giá về kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm Biểu số 3 Phụ lục II (Nghị định 47/2021/NĐ-CP)

STT	Ký hiệu mẫu biểu	File mẫu	Nội dung
22	Mẫu 22 – BKHĐT	 Mẫu 22-BKHĐT.docx	Báo cáo thực trạng quản trị và cơ cấu tổ chức 6 tháng của doanh nghiệp Biểu số 5 Phụ lục II (Nghị định 47/2021/NĐ-CP)
23	Mẫu 23 – BKHĐT	 Mẫu 23-BKHĐT.docx	Báo cáo thực trạng quản trị và cơ cấu tổ chức hàng năm của doanh nghiệp Biểu số 6 Phụ lục II (Nghị định 47/2021/NĐ-CP)

**Phụ lục IV  
Appendix IV  
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN  
ANNUAL REPORT**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ  
trưởng  
Bộ Tài chính)*  
*(Promulgated with the Circular No 96/2020/TT-BTC on November 16, 2020 of the Minister  
of  
Finance)*

**TÊN CÔNG TY  
COMPANY'S NAME**

Số: .../BC-....

Nơi: .../BC-....

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM  
Independence - Freedom - Happiness**

..., ngày... tháng... năm....

..., month... day... year ...

**BÁO CÁO /ANNUAL REPORT**

**Thường niên năm /Year**

Kính gửi: .....

To: .....

**I. Thông tin chung/General information**

**1. Thông tin khái quát/General information**

- Tên giao dịch/Trading name:

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số/Business Registration Certificate No.:

- Vốn điều lệ/Charter capital:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu/Owner's capital:

- Địa chỉ/Address:

- Số điện thoại/Telephone:

- Số fax/Fax:

- Website;

- Mã cổ phiếu (nếu có)/Securities code (if any):

- Quá trình hình thành và phát triển/Establishment and development process (ngày thành lập, thời điểm niêm yết, thời gian các mốc sự kiện quan trọng kể từ khi thành lập đến nay/Date of establishment, time of listing, and development milestones since the establishment until now).

- Các sự kiện khác/ Other events:

**2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh/ Business lines and locations of the business:**



- Ngành nghề kinh doanh/*Business lines*: (Nêu các ngành nghề kinh doanh hoặc sản phẩm, dịch vụ chính chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất/*Specify major lines of business or products and services which account for more than 10% of the total revenue in the last 02 years*).

- Địa bàn kinh doanh/*Location of business*: (Nêu các địa bàn hoạt động kinh doanh chính, chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất/*Specify major locations of business which account for more than 10% of the total revenue in the last 02 years*).

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý/*Information about governance model, business organization and managerial apparatus*

- Mô hình quản trị (nêu rõ mô hình theo quy định tại Điều 137 Luật Doanh nghiệp)/*Governance model (as stipulated in Article 137 of the Law on Enterprises)*.

- Cơ cấu bộ máy quản lý/*Management structure*.

- Các công ty con, công ty liên kết/*Subsidiaries, associated companies*: (Nêu danh sách, địa chỉ, lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính, vốn điều lệ thực góp, tỷ lệ sở hữu của Công ty tại các công ty con, công ty liên kết/*Specify the names, addresses, major fields of production and business, paid-in charter capital, ownership percentages of the Company in such subsidiaries, associated companies*).

4. Định hướng phát triển/*Development orientations*

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty / *Main objectives of the Company*.

- Chiến lược phát triển trung và dài hạn/*Development strategies in medium and long term*.

- Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty / *Corporate objectives with regard to Corporate environment, society and community Sustainability*.

5. Các rủi ro/*Risks*: (Nếu các rủi ro có thể ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh hoặc đối với việc thực hiện các mục tiêu của của Công ty, trong đó có rủi ro về môi trường, thiên tai, dịch bệnh, ...)/*Specify the risks probably affecting the production and business operations or the realization of the Company's objectives, including environmental risks*).

## II. Tình hình hoạt động trong năm/ *Operations in the Year*

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh/*Situation of production and business operations*

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm/ *Results of business operations in the year*: Nêu các kết quả đạt được trong năm. Nêu những thay đổi, biến động lớn về chiến lược kinh doanh, doanh thu, lợi nhuận, chi phí, thị trường, sản phẩm, nguồn cung cấp, .../*specify the results achieved for the year. Specify major changes and movements in business strategy, revenue, profits, costs, markets, products, supplies, etc.*

- Tình hình thực hiện so với kế hoạch/*Implementation situation/actual progress against the plan*: So sánh kết quả đạt được trong năm so với các chỉ tiêu kế hoạch và các chỉ tiêu năm liền kề. Phân tích cụ thể nguyên nhân dẫn đến việc không đạt/đạt/vượt các chỉ tiêu so với kế hoạch và so với năm liền kề/*Comparing the actual progress with the targets and the results of the preceding years. Analyzing specific reasons of the unachievement/ achievement/excess of the targets and against the preceding years*.

2. Tổ chức và nhân sự/*Organization and Human resource*

- Danh sách Ban điều hành/*List of the Board of Management*: (Danh sách, tóm tắt lý lịch và tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành của Tổng Giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các cán bộ quản lý khác/*List, curriculum vitae and ownership percentage of the Company's voting shares and other securities by the Company's General Director, Deputy General Directors, Chief Accountant and other managers.*

- Những thay đổi trong ban điều hành/*changes in the Board of Management*: (Liệt kê các thay đổi trong Ban điều hành trong năm)/ (*List the changes in the Board of Management in the year*).

- Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động/*Number of staffs. Brief information and changes on the employee's policies.*

### 3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án/*investment activities, project implementation*

a) Các khoản đầu tư lớn/*Major investments*: Nếu các khoản đầu tư lớn được thực hiện trong năm (bao gồm các khoản đầu tư tài chính và các khoản đầu tư dự án), tình hình thực hiện các dự án lớn. Đối với trường hợp công ty đã chào bán chứng khoán để thực hiện các dự án, cần nêu rõ tiến độ thực hiện các dự án này và phân tích nguyên nhân dẫn đến việc đạt/không đạt tiến độ đã công bố và cam kết)/*specify major investments implemented for the year (including financial investments and project investment), the implementation progress of major projects. If the Company has conducted public offering for the projects, it is necessary to indicate the progress of implementation of the projects and analyze the reasons incase of achievement/failure to achieve the announced and committed targets.*

b) Các công ty con, công ty liên kết/*Subsidiaries, associated companies*: (Tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của các công ty con, công ty liên kết)/(*Summarizing the operations and financial situation of the subsidiaries, associated companies*).

### 4. Tình hình tài chính/*Financial situation*

#### a) Tình hình tài chính/*Financial situation*

Chỉ tiêu/ <i>Indicators</i>	Năm/ <i>Year X-1</i>	Năm/ <i>Year X</i>	% tăng giảm/ % <i>change</i>
* Đối với tổ chức không phải là tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng/ <i>Applicable for organization other than credit institutions and non-bank financial institutions:</i>			
Tổng giá trị tài sản/ <i>Total asset</i>			
Doanh thu thuần/ <i>Net revenue</i>			
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ <i>Profit from business activities</i>			
Lợi nhuận khác/ <i>Other profits</i>			
Lợi nhuận trước thuế/ <i>Profit before tax</i>			
Lợi nhuận sau thuế/ <i>Profit after tax</i>			

Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức/Payout ratio * Đối với tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng/Applicable to credit institutions and non-bank financial institutions: Tổng giá trị tài sản/Total asset value Doanh thu/Revenues Thuế và các khoản phải nộp/Taxes and payables Lợi nhuận trước thuế/Before tax profit Lợi nhuận sau thuế/After tax profit			
---	--	--	--

- Các chỉ tiêu khác/ Other figures: (tùy theo đặc điểm riêng của ngành, của công ty để làm rõ kết quả hoạt động kinh doanh trong hai năm gần nhất/ depending on the specific characteristics of the industry and of the Company to clarify the company's operating results for the last two years).

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu/ Major financial indicators:

Chỉ tiêu/ Indicators	Năm/ Year X-1	Năm/ Year X	Ghi chú/Note
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán/ Solvency ratio + Hệ số thanh toán ngắn hạn/Current ratio: Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn (Short term Asset/Short term debt) + Hệ số thanh toán nhanh/Quick ratio: Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho Nợ ngắn hạn <u>Short term Asset - Inventories</u> Short term Debt			
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn/capital structure Ratio + Hệ số Nợ/Tổng tài sản (Debt/Total assets ratio) + Hệ số Nợ/vốn chủ sở hữu (Debt/Owner's Equity ratio)			

<p>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động/ <i>Operation capability Ratio</i></p> <p>+ Vòng quay hàng tồn kho/ <i>Inventory turnover:</i></p> <p>Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân (<i>Cost of goods sold/Average inventory</i>)</p> <p>+ Vòng quay tổng tài Sản/<i>Total asset turnover:</i></p> <p>Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân (<i>Net revenue/ Average Total Assets</i>)</p>			
<p>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời/ <i>Profitability</i></p> <p>+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (<i>profit after tax/ Net revenue Ratio</i>)</p> <p>+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu (<i>profit after tax/ total capital Ratio</i>)</p> <p>+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (<i>profit after tax/ Total assets Ratio</i>)</p> <p>+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần (<i>Profit from business activities/ Net revenue Ratio</i>)</p>			

Đối với tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng/For credit institutions and non-bank financial institutions:

Chỉ tiêu/ Indicators	Năm/ Year X-1	Năm/ Year X	Ghi chú/Note
1. Quy mô vốn/Capital size			
- Vốn điều lệ/Charter Capital			
Tổng tài sản có/ Total assets			
Tỷ lệ an toàn vốn/Capital adequacy ratio			
2. Kết quả hoạt động kinh doanh/ <i>Operating results</i>			

Doanh số huy động tiền gửi/ <i>Cash deposits</i>			
Doanh số cho vay/ <i>Lendings</i>			
Doanh số thu nợ/ <i>Debt collection</i>			
Nợ quá hạn/ <i>Overdue debts</i>			
Nợ khó đòi/ <i>Bad debt</i>			
Hệ số sử dụng vốn/ <i>Incremental Capital Output Ratio</i>			
Tỷ lệ nợ bảo lãnh quá hạn/Tổng số dư bảo lãnh/ <i>Overdue outstanding underwritten debt/ Total outstanding debt Ratio</i>			
Tỷ lệ nợ quá hạn/Tổng dư nợ/ <i>Overdue debts/ Total debt Ratio</i>			
Tỷ lệ nợ khó đòi/Tổng dư nợ/ <i>Bad debt/ Total debt Ratio</i>			
3. Khả năng thanh khoản/ <i>Solvency</i>			
Khả năng thanh toán ngay/ <i>Short term solvency</i>			
Khả năng thanh toán chung/ <i>General solvency</i>			

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu/*Shareholders structure, change in the owner's equity.*

a) Cổ phần/*Shares*: Nêu tổng số cổ phần và loại cổ phần đang lưu hành, số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do và số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định pháp luật, Điều lệ công ty hay cam kết của người sở hữu. Trường hợp công ty có chứng khoán giao dịch tại nước ngoài hay bảo trợ việc phát hành và niêm yết chứng khoán tại nước ngoài, cần nêu rõ thị trường giao dịch, số lượng chứng khoán được giao dịch hay được bảo trợ và các thông tin quan trọng liên quan đến quyền, nghĩa vụ của công ty liên quan đến chứng khoán giao dịch hoặc được bảo trợ tại nước ngoài/*Specify total number and types of floating shares, number of freely transferable shares and number of preferred shares in accordance with the law, the Company's Charter and commitments of the owner. Where the company has securities traded in foreign countries or underwritten the issuance and listing of securities in foreign countries, it is required to specify the foreign markets, the number of securities to be traded or underwritten and important information concerning the rights and obligations of the company related to the securities traded or underwritten in foreign countries.*

b) Cơ cấu cổ đông/*Shareholders structure*: Nêu cơ cấu cổ đông phân theo các tiêu chí tỷ lệ sở hữu (cổ đông lớn, cổ đông nhỏ); cổ đông tổ chức và cổ đông cá nhân; cổ đông trong nước và cổ đông nước ngoài, cổ đông nhà nước và các cổ đông khác, tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/*Specify shareholders structure by ownership percentages (major, minority shareholders); institutional and Individual shareholders; domestic and foreign shareholders; State and other shareholders; foreign shareholder's maximum percentages.*

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu/ *Change in the owner's equity*: Nêu các đợt tăng vốn cổ phần kể từ khi thành lập bao gồm các đợt chào bán ra công chúng, chào bán riêng lẻ, chuyển đổi trái phiếu, chuyển đổi chứng quyền, phát hành cổ phiếu thưởng, trả cổ tức bằng cổ phiếu v.v (thời điểm, giá trị, đối tượng chào bán, đơn vị *cấp*)/*specify equity increases including public offerings, private offerings, bond conversions, warrant conversions, Issuance of bonus shares, shares dividend, etc.*

đ) Giao dịch cổ phiếu quỹ/ *Transaction of treasury stocks*: Nêu số lượng cổ phiếu quỹ hiện tại, liệt kê các giao dịch cổ phiếu quỹ đã thực hiện trong năm bao gồm thời điểm thực hiện giao dịch, giá giao dịch và đối tượng giao dịch/ *Specify number of existing treasury stocks, list transactions of treasury stocks conducted for the year including trading times, prices and counter parties.*

e) Các chứng khoán khác/ *Other securities*: nêu các đợt phát hành chứng khoán khác đã thực hiện trong năm. Nêu số lượng, đặc điểm các loại chứng khoán khác hiện đang lưu hành và các cam kết chưa thực hiện của công ty với cá nhân, tổ chức khác (bao gồm cán bộ công nhân viên, người quản lý của công ty) liên quan đến việc phát hành chứng khoán/ *Specify other securities issues conducted during the year. Specify the number, characteristics of other types of floating securities and outstanding commitments of the Company to other individuals, organizations (including Company's staffs and managers) related to the securities issues.*

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty/ *Environment-Social-Governance (ESG) Report of the Company*

6.1. Tác động lên môi trường:

Tổng phát thải khí nhà kính (GHG) trực tiếp và gián tiếp/ *Total direct and indirect GHG emission*

Các sáng kiến và biện pháp giảm thiểu phát thải khí nhà kính/ *Measures and initiatives to reduce GHG emission.*

6.2. Quản lý nguồn nguyên vật liệu/ *Management of raw materials*:

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm/ *The total amount of raw materials used for the manufacture and packaging of the products as well as services of the organization during the year.*

b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức/ *The percentage of materials recycled to produce products and services of the organization.*

6.3. Tiêu thụ năng lượng/ *Energy consumption*:

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp/ *Energy consumption - directly and indirectly.*

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả/ *Energy savings through initiatives of efficiently using energy.*

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này/ *The report on energy saving initiatives (providing products and services to save energy or use renewable energy); report on the results of these initiatives.*

6.4. Tiêu thụ nước: (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm)/ *Water consumption (water consumption of business activities in the year)*

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng/ *Water supply and amount of water used.*

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng/ *Percentage and total volume of water recycled and reused.*

6.5. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường/ *Compliance with the law on environmental protection:*

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường/ *Number of times the company is fined for failing to comply with laws and regulations on environment.*

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường/ *the total amount to be fined for failing to comply with laws and regulations on the environment.*

6.6. Chính sách liên quan đến người lao động/ *Policies related to employees*

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động/ *Number of employees, average wages of workers.*

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động/ *Labor policies to ensure health, safety and welfare of workers.*

c) Hoạt động đào tạo người lao động/ *Employee training*

- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên/ *The average number of training hours per year, according to the staff and classified staff*

- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp/ *The skills development and continuous learning program to support workers employment and career development.*

6.7. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương/ *Report on responsibility for local community.*

Các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng/ *The community investments and other community development activities, including financial assistance to community service.*

6.8. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN/ *Report on green capital market activities under the guidance of the ssc.*

**Lưu ý/Note:** (Mục 6 phần II Phụ lục này, công ty có thể lập riêng thành Báo cáo phát triển bền vững, trong đó các mục 6.1, 6.2 và 6.3 không bắt buộc đối với các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ tài chính, ngân hàng, chứng khoán, bảo hiểm)/ *(As for Section 6 of Part II of this Appendix, the company may set up a separate Sustainability Development Report, in which the items 6.1, 6.2 and 6.3 are not mandatory for companies operating in sector of finance, banking, securities and insurance).*

Khuyến khích các doanh nghiệp áp dụng các chuẩn mực báo cáo quốc tế trong việc báo cáo Phát triển bền vững/ *Public companies are encouraged to apply the globally accepted reporting and disclosure standards in preparing their sustainability reports.*

**III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc/ *Reports and assessments of the Board of Management*** (Ban Giám đốc báo cáo và đánh giá về tình hình mọi mặt của công ty / *the Board of Management reports and assesses the Company's situation through every facet*)

Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc tối thiểu phải bao gồm các nội dung sau/ *The*

*Board of Management's reports and assessments shall include at least the following contents:*

*1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh/Assessment of operating results*

- Phân tích tổng quan về hoạt động của công ty so với kế hoạch/dự tính và các kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trước đây. Trường hợp kết quả sản xuất kinh doanh không đạt kế hoạch thì nêu rõ nguyên nhân và trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với việc không hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh (nếu có)/*General analysis of company's operations against the previous operating targets and results. In case of failing to meet the operating results and targets, the Board of Management must clearly state the reasons and their responsibilities for such results (if any).*

- Những tiến bộ công ty đã đạt được/*The Company's achievements.*

*2. Tình hình tài chính/Financial Situation*

*a) Tình hình tài sản/Assets*

Phân tích tình hình tài sản, biến động tình hình tài sản (phân tích, đánh giá hiệu quả sử dụng tài sản và nợ phải thu quá hạn ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh)/ *Analysis of assets and changes in assets (analysis and assessment of the efficiency of assets usage and bad receivable debts that affect operating results).*

*b) Tình hình nợ phải trả/Debt Payable*

- Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ/ *Current debts, major changes of debts.*

- Phân tích nợ phải trả quá hạn, ảnh hưởng chênh lệch của tỉ lệ giá hối đoái đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, ảnh hưởng chênh lệch lãi vay/*Analysis of bad debts, impacts of the exchange rate changes on operating results of the Company and impacts of lending rate changes.*

*3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý/Improvements in organizational structure, policies, and management.*

*4. Kế hoạch phát triển trong tương lai/Development plans in future*

*5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có)- (Trường hợp ý kiến kiểm toán không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần)/Explanation of the Board of Management for auditor's opinions (if any) - (In case the auditor's opinions are not unqualified).*

*6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty/Assessment Report related to environmental and social responsibilities of the Company.*

a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...)/ *Assessment concerning the environmental indicators (water consumption, energy, emissions, etc.).*

b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động/*Assessment concerning the labor issues*

c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương/*Assessment concerning the corporate responsibility for the local community*

**IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty (đối với công ty cổ phần)/ *Assessments of the Board of Directors on the Company's operation (for joint stock companies)***

*1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh*



giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội/ *Assessments of the Board of Directors on the Company's operation, including the assessment related to environmental and social responsibilities.*

2. *Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty/Assessment of Board of Directors on Board of Management's performance*

3. *Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị/Plans and orientations of the Board of Directors*

## **V. Quản trị công ty/Corporate governance**

### **1. Hội đồng quản trị/Board of Directors**

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị/ *Members and structure of the Board of Directors*: (danh sách thành viên Hội đồng quản trị, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành, nêu rõ thành viên độc lập và các thành viên khác; số lượng chức danh thành viên Hội đồng quản trị, chức danh quản lý do từng thành viên Hội đồng quản trị của công ty nắm giữ tại các công ty khác/(*The list of members of the Board of Directors, ownership percentages of voting shares and other securities issued by the company, the list of independent members and other members; the list of positions that a member of the Board of Directors at the Company hold at other companies*).

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị/*the committees of the Board of Directors*: (Liệt kê các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị và thành viên trong từng tiểu ban/*The list of the subcommittees of the Board of Directors and list of members of each subcommittee*).

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị/*Activities of the Board of Directors*: đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp Hội đồng quản trị, nội dung và kết quả của các cuộc họp/*Assessing activities of the Board of Directors and specifying the number of Board of Directors meetings, their contents and results*.

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập/ *Activities of the Board of Directors independent members*. Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị/*Activities of the Board of Directors' subcommittees*: (đánh giá hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của từng tiểu ban, nội dung và kết quả của các cuộc họp/*Assessing activities of the subcommittees of the Board of Directors, specifying the number of meetings of each subcommittee, their contents and results*).

e) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm/*the list of members of the Board of Directors possessing certificates on corporate governance. The list of members of the Board of Directors participating in corporate governance training programs in the year*.

### **2. Ban Kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán /Board of Supervisors/Audit Committee**

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán/*Members and structure of the Board of Supervisors/ Audit Committee*: (danh sách thành viên Ban kiểm soát, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành/*The list of members of the Board of Supervisors, ownership percentages of voting shares and other securities issued by the company*).

b) Hoạt động của Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán/ *Activities of the Board of Supervisors/ Audit Committee*: (đánh giá hoạt động của Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán, nội dung và kết quả của các cuộc họp/*Assessing activities of the Board of Supervisors/ Audit Committee, specifying the*

*number of Board of Supervisors' / Audit Committee's meetings, their contents and results).*

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán/Transactions, remunerations and benefits of the Board of Directors, Board of Management and Board of Supervisors/ Audit Committee

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích/Salary, rewards, remuneration and benefits; (Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho từng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý. Giá trị các khoản thù lao, lợi ích và chi phí này phải được công bố chi tiết cho từng người, ghi rõ số tiền cụ thể. Các khoản lợi ích phi vật chất hoặc các khoản lợi ích chưa thể/không thể lượng hoá bằng tiền cần được liệt kê và giải trình đầy đủ/ Salary, rewards, remuneration and other benefits and expenses for each member of the Board of Directors, the Board of Supervisors/ Audit Committee, Director and General Director and managers. Values of such remuneration, benefits and expenses shall be disclosed in details for each person. Non-material benefits which have not been/cannot be quantified by cash shall be listed and explained).

b) Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ/Share transactions by internal shareholders: (Thông tin về các giao dịch cổ phiếu của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán, Giám đốc (Tổng Giám đốc), Kế toán trưởng, các cán bộ quản lý, Thư ký công ty, cổ đông lớn và những người liên quan tới các đối tượng nói trên/Information about share transactions of members of Board of Directors, members of the Board of Supervisors/ Audit Committee, Director (General Director), Chief Accountant, the company's managers, secretaries, major shareholders and their affiliated persons).

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ/ Contracts or transactions with internal shareholders: Thông tin về hợp đồng, hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đã được thực hiện trong năm với công ty, các công ty con, các công ty mà công ty nắm quyền kiểm soát của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán, Giám đốc (Tổng Giám đốc), các cán bộ quản lý và những người liên quan tới các đối tượng nói trên/Information about the contracts, or transactions signed or executed in the year by the members of the Board of Directors, Board of Supervisors/ Audit Committee, Director (General Director), managers and affiliated persons with the Company, subsidiaries, and other companies in which the Company holds the control right.

d) Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty/Assessing the Implementation of regulations on corporate governance: (Nêu rõ những nội dung chưa thực hiện được theo quy định pháp luật về quản trị công ty. Nguyên nhân, giải pháp và kế hoạch khắc phục/kế hoạch tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị công ty/Specifying the contents which have not been implemented in accordance with the laws on corporate governance, specifying reasons and solutions to improve the efficiency of corporate governance).

## **VI. Báo cáo tài chính/ Financial statements**

### **1. Ý kiến kiểm toán/Auditor's opinions**

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán/Audited financial statements (Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bao gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định pháp luật về kế toán và kiểm toán. Trường hợp theo quy định pháp luật về kế toán và kiểm toán, công ty phải lập Báo cáo tài chính hợp nhất hoặc Báo cáo tài chính tổng hợp thì Báo cáo tài chính trình bày trong Báo cáo thường niên là Báo cáo tài chính hợp nhất hoặc Báo cáo tài chính tổng hợp đồng thời nêu địa chỉ công bố, cung cấp báo cáo tài chính của công ty mẹ/ Audited annual financial

statements include: Balance sheet; Income statement; Cash flow statement; Financial Statements Explanation. In case the company has to prepare consolidated or general Financial Statements in accordance with the law on accounting and audit, the Financial Statements presented in the Annual Reports shall be the consolidated Financial Statements; and clearly state the addresses where the financial statements of the parent company to be published and provided).

*Nơi nhận:*

*Recipients:*

- ....;
- Lưu: VT, ...
- Archived:...

**XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA  
CÔNG TY**

**CONFIRMATION BY THE COMPANY'S LEGAL  
REPRESENTATIVE**

*(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*  
*(Signature, full name and seal)*

**Phụ lục III  
Appendix III  
BẢN CUNG CẤP THÔNG TIN  
CIRRICULLUM VITAE**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)*

*(Promulgated with the Circular No 96/2020/TT-BTC on November 16, 2020 of the Minister of Finance)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM  
Independence - Freedom – Happiness**

....., ngày..... tháng ... năm.....

....., day .... month .... year ....

**BẢN CUNG CẤP THÔNG TIN/ CIRRICULLUM VITAE**

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch chứng khoán.

To:

- The State Securities Commission;
- The Stock Exchange.

1/ Họ và tên /Full name:

2/ Giới tính/Sex:

3/ Ngày tháng năm sinh/Date of birth:

4/ Nơi sinh/Place of birth:

5/ Số CMND (hoặc số hộ chiếu)/ ID card No. (or Passport No.):

Ngày cấp/Date of issue ..... Nơi cấp/Place of issue .....

6/ Quốc tịch/Nationality:

7/ Dân tộc/Ethnic:

8/ Địa chỉ thường trú/Permanent residence:

9/ Số điện/Telephone number:

10/ Địa chỉ email/Email:

11/ Tên tổ chức là đối tượng công bố thông tin/ Organisation's name subject to information disclosure rules:

12/ Chức vụ hiện nay tại tổ chức là đối tượng công bố thông tin/ Current position in an organization subject to information disclosure:

13/ Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác/Positions in other companies:

14/ Số CP nắm giữ: ..... chiếm ..... % vốn điều lệ, trong đó/ Number of owning shares ..... accounting for ....% of charter capital, of which:

+ Đại diện (tên tổ chức là Nhà nước/cổ đông chiến lược/tổ chức khác) sở hữu/Owning on behalf of (the State/strategic investor/other organisation):

+ Cá nhân sở hữu/ *Owning by Individual:*

15/ Các cam kết nắm giữ (nếu có)/ *Other owning commitments (if any):*

16/ Danh sách người có liên quan của người khai\* / *List of affiliated persons of declarant:*

---

\* Người có liên quan theo quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019.

Affiliated persons are stipulated in Article 4, clause 46 of the Law on Securities dated 26<sup>th</sup> Nov 2019.

Stt No.	Mã CK Securities symbol	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading accounts (if available)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if available)	Mối quan hệ đối với công ty/ người nội bộ Relationship with the company/ internal person	Loại hình Giấy NSH (*) (CMND/ Passport/ Giấy ĐKKD) Type of documents (ID/Passport/ Business Registration Certificate)	Số Giấy NSH (*)/ NSH No.	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp Place of issue	Địa chỉ trụ sở chính / Địa chỉ liên hệ Address / Head office address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percent age of shares owned at the end of the period	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/ người nội bộ Time the person became an affiliated person/ internal person	Thời điểm không còn là người có liên quan của công ty/ người nội bộ Time the person ceased to be an affiliated person/ internal person	Lý do (khi phát sinh thay đổi liên quan đến mục 13 và 14) Reasons (when arising changes related to sections of 13 and 14)	Ghi chú (về việc không có số Giấy NSH và các ghi chú khác) Notes (i.e. not in possession of a NSH No. and other notes)
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
1		Nguyễn Văn A	xxxxxxx	Chủ tịch HĐQT Chairman of the Board of Directors		CMND ID	024123456	17/12/2015	HCM City's Public Security	16 Võ Văn Kiệt, District 1, HCMC			01/01/2020	15/05/2020	Miễn nhiệm Dismissed	
1.01		Nguyễn Thị B	yyyyyyy		Vợ wife	CMND ID Card No.	025123456	11/05/2016	HCM City's Public Security	1 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, District 1, HCMC			04/05/2018			
1.02																

15	Nguyễn Văn C	zzzzzzzz	Kế toán trưởng <i>Chief Accountant</i>		CMND ID Card No.	020123456	11/02/2011	Public Security				14/03/2020	Bổ nhiệm <i>Appointed</i>	
....														
15.2 5	Nguyễn Thị D			Con Child										No ID Card
15.2 6	Công ty Cổ phần ABC			Tổ chức có liên quan <i>Related organisation</i>	GCNĐKD <i>Business Registrar on Certificate</i>	30123456	15/10/2014					15/04/2020	Bổ nhiệm <i>Appointed</i>	Nguyễn Văn C là thành viên HĐQT CTCP ABC <i>Board member</i>

17/ Lợi ích liên quan đối với công ty đại chúng, quỹ đại chúng (nếu có)/*Related interest with public company, public fund (if any):*

18/ Quyền lợi mâu thuẫn với công ty đại chúng, quỹ đại chúng (nếu có)/ *Interest in conflict with public company, public fund (if any):*

Tôi cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật/*I hereby certify that the information provided in this cv is true and correct and I will bear the full responsibility to the law.*

**NGƯỜI KHAI /  
DECLARANT**

*(Ký, ghi rõ họ tên)  
(Signature, full name)*



Phụ lục V  
Appendix V

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY**  
**REPORT ON CORPORATE GOVERNANCE**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

(Promulgated with the Circular No 96/2020/TT-BTC on November 16, 2020 of the Minister of Finance)

**TÊN CÔNG TY**  
**COMPANY'S NAME**

Số: .../BC-...  
No: .../BC-..

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  
**THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM**  
**Independence - Freedom – Happiness**

\_\_\_\_\_  
..., ngày... tháng... năm...  
..., month... day... year...

**BÁO CÁO**  
**Tình hình quản trị công ty**  
**REPORT ON CORPORATE GOVERNANCE**  
**(6 tháng/năm)**  
**(6 months/year)**

Kính gửi:

- Ủy ban chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch chứng khoán.

To:

- The State Securities Commission;
- The Stock Exchange.

- Tên công ty/Name of company:

- Địa chỉ trụ sở chính/Address of headoffice:

- Điện thoại/Telephone:

Fax:

Email:

- Vốn điều lệ/Charter capital:

- Mã chứng khoán/Stock symbol:

- Mô hình quản trị công ty/Governance model:

+ Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc/Giám đốc /General Meeting of Shareholders, Board of Directors, Board of Supervisors, General Director and Director.

+ Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc/ Giám đốc và có Ủy ban kiểm toán thuộc Hội đồng quản trị/ General Meeting of Shareholders, Board of Directors, General Director, Director and Audit Committee under the Board of Directors.

- Về việc thực hiện chức năng kiểm toán nội bộ: Đã thực hiện/ Chưa thực hiện/The implementation of internal audit: Implemented/ Not yet implemented.

**I. Hoạt động của Đại hội đồng cổ đông/ Activities of the General Meeting of Shareholders**

Thông tin về các cuộc họp và Nghị quyết/Quyết định của Đại hội đồng cổ đông (bao gồm cả các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản)/Information on meetings, resolutions and decisions of the General Meeting of Shareholders (including the resolutions of the General Meeting of Shareholders approved in the form of written comments):

Stt No.	Số Nghị quyết/Quyết định Resolution/Decision No.	Ngày Date	Nội dung Content

**II. Hội đồng quản trị (Báo cáo 6 tháng/năm)/ Board of Directors (Semiannual report/annual report):**

1. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT)/Information about the members of the Board of Directors:

Stt No.	Thành viên HĐQT/ Board of Directors' members	Chức vụ/ Position (thành viên HĐQT độc lập, TVHĐQT không điều hành) Independent members of the Board of Directors, Non-executive members of the Board of Directors))	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT/ HĐQT độc lập The date becoming/ceasing to be the member of the Board of Directors	
			Ngày bổ nhiệm Date of appointment	Ngày miễn nhiệm Date of dismissal
	Ông/Bà Mr./Ms.			

2. Các cuộc họp HĐQT/Meetings of the Board of Directors:

Stt No.	Thành viên HĐQT/ Board of Director' member	Số buổi họp HĐQT tham dự/ Number of meetings attended by Board of Directors	Tỷ lệ tham dự họp/ Attendance rate	Lý do không tham dự họp/Reasons for absence
	Ông/Bà			

3. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Giám đốc/Supervising the Board of Management by the Board of Directors:

4. Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị (nếu có)/Activities of the Board of Directors' subcommittees (If any):

5. Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị (Báo cáo 6 tháng /năm) /Resolutions/Decisions of the Board of Directors (Semi-annual report/annual report):

Stt No.	Số Nghị quyết/ Quyết định Resolution/Decision No.	Ngày Date	Nội dung Content	Tỷ lệ thông qua Approval rate

**III. Ban kiểm soát/ Ủy ban Kiểm toán (Báo cáo 6 tháng/năm)/Board of Supervisors/Audit Committee (Semi-annual report/annual report):**

1. Thông tin về thành viên Ban Kiểm soát (BKS)/Ủy ban Kiểm toán/ Information about members of Board of Supervisors or Audit Committee:

Stt No.	Thành viên BKS/ Ủy ban Kiểm toán Members of Board of Supervisors/ Audit Committee	Chức vụ Position	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên BKS/ Ủy ban Kiểm toán The date becoming/ceasing to be the member of the Board of Supervisors/ Audit Committee	Trình độ chuyên môn Qualification
	Ông/Bà Mr./Ms.			

2. Cuộc họp của BKS/ Ủy ban Kiểm toán/Meetings of Board of Supervisors or Audit Committee

Stt No.	Thành viên BKS/ Ủy ban Kiểm toán Members of Board of Supervisors/ Audit Committee	Số buổi họp tham dự Number of meetings attended	Tỷ lệ tham dự họp Attendance rate	Tỷ lệ biểu quyết Voting rate	Lý do không tham dự họp Reasons for absence
	Ông/Bà Mr./Ms.				

3. Hoạt động giám sát của BKS/ Ủy ban Kiểm toán đối với HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và cổ đông/Supervising Board of Directors, Board of Management and shareholders by Board of Supervisors or Audit Committee:

4. Sự phối hợp hoạt động giữa BKS/ Ủy ban Kiểm toán đối với hoạt động của HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác/the coordination among the Board of Supervisors, Audit Committee, the Board of Management, Board of Directors and other managers:

5. Hoạt động khác của BKS/ Ủy ban Kiểm toán (nếu có)/Other activities of the Board of Supervisors and Audit Committee (if any):

**IV. Ban điều hành/Board of Management**

STT No.	Thành viên Ban điều hành/Members of Board of Management	Ngày tháng năm sinh Date of birth	Trình độ chuyên môn Qualification	Ngày bổ nhiệm/ miễn nhiệm thành viên Ban điều hành/ Date of appointment / dismissal of members of the Board of Management /
	Ông/ Bà Mr/Ms.			

**V. Kế toán trưởng/Chief Accountant**

Họ và tên Name	Ngày tháng năm sinh Date of birth	Trình độ chuyên môn nghiệp vụ Qualification	Ngày bổ nhiệm/ miễn nhiệm Date of appointment/ dismissal

**VI. Đào tạo về quản trị công ty/Training courses on corporate governance:**

Các khóa đào tạo về quản trị công ty mà các thành viên HĐQT, thành viên BKS, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành, các cán bộ quản lý khác và Thư ký công ty đã tham gia theo quy định về quản trị công ty/Training courses on corporate governance were involved by members of Board of Directors, the Board of Supervisors, Director (General Director), other managers and secretaries in accordance with regulations on corporate governance:

**VII. Danh sách về người có liên quan của công ty đại chúng (Báo cáo 6 tháng/năm) và giao dịch của người có liên quan của công ty với chính Công ty/The list of affiliated persons of the public company (Semi-annual report/annual report) and transactions of affiliated persons of the Company)**

**I. Danh sách về người có liên quan của công ty/The list of affiliated persons of the Company**

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân Name of organization / individual	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the Company (if any)	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH No. *, date of issue, place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Address	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan Time of starting to be affiliated person	Thời điểm không còn là người có liên quan Time of ending to be affiliated person	Lý do Reasons	Mối quan hệ liên quan với công ty/ Relationship with the Company

Ghi chú/Note: số Giấy NSH\*: số CMND/Hộ chiếu (đối với cá nhân) hoặc Số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương

(đối với tổ chức)/NSH No.: ID card No./Passport No. (As for individuals) or Business Registration Certificate No., License on Operations or equivalent legal documents (As for organisations).

2. Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ/ Transactions between the Company and its affiliated persons or between the Company and its major shareholders, internal persons and affiliated persons.

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân Name of organization/individual	Mối quan hệ liên quan với công ty Relationship with the Company	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH No.* date of issue, place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Address	Thời điểm giao dịch với công ty Time of transactions with the Company	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHCĐ/ HĐQT... thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành) Resolution No. or Decision No. approved by General Meeting of Shareholders/ Board of Directors (if any, specifying date of issue)	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch/ Content, quantity, total value of transaction	Ghi chú Note

Ghi chú/Note: số Giấy NSH\*: số CMND/ Hộ chiếu (đối với cá nhân) hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức)/NSH No.: ID card No./Passport No. (As for individuals) or Business Registration Certificate No., License on operations or equivalent legal documents (As for organisations).

3. Giao dịch giữa người nội bộ công ty, người có liên quan của người nội bộ với công ty con, công ty do công ty nắm quyền kiểm soát/ Transaction between internal persons of the Company, affiliated persons of internal persons and the Company's subsidiaries in which the Company takes controlling power.

Stt No.	Người thực hiện giao dịch <i>Transaction executor</i>	Quan hệ với người nội bộ <i>Relationship with internal persons</i>	Chức vụ tại CTNY <i>Position at the listed Company</i>	Số CMND/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp <i>ID card No./Passport No., date of issue, place of Issue</i>	Địa chỉ <i>Address</i>	Tên công ty con, công ty do CTNY nắm quyền kiểm soát <i>Name of subsidiaries or companies which the Company control</i>	Thời điểm giao dịch <i>Time of transaction</i>	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch/ <i>Content, quantity, total value of transaction</i>	Ghi chú <i>Note</i>

#### 4. Giao dịch giữa công ty với các đối tượng khác/*Transactions between the Company and other objects*

4.1. Giao dịch giữa công ty với công ty mà thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người quản lý khác đã và đang là thành viên sáng lập hoặc thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành trong thời gian ba (03) năm trở lại đây (tính tại thời điểm lập báo cáo)/*Transactions between the Company and the company that its members of Board of Management, the Board of Supervisors, Director (General Director) have been founding members or members of Board of Directors, or CEOs in three (03) latest years (calculated at the time of reporting).*

4.2. Giao dịch giữa công ty với công ty mà người có liên quan của thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người quản lý khác là thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành/*Transactions between the Company and the company that its affiliated persons with members of Board of Directors, Board of Supervisors, Director (General Director) and other managers as a member of Board of Directors, Director (General Director or CEO).*

4.3. Các giao dịch khác của công ty (nếu có) có thể mang lại lợi ích vật chất hoặc phi vật chất đối với thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người quản lý khác/*Other transactions of the Company (if any) may bring material or non-material benefits for members of Board of Directors, members of the Board of Supervisors, Director (General Director) and other managers.*

#### VIII. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người liên quan của người nội bộ (Báo cáo 6 tháng/năm)/*Share transactions of internal persons and their affiliated persons (Semi-annual report/annual report)*

1. Danh sách người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ/*The list of internal persons and their affiliated persons công ty / Transactions of internal persons and affiliated persons with shares of the Company*

stt No.	Họ tên <i>Name</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the company (if any)</i>	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp <i>ID card No./Passport No., date of issue, place of issue</i>	Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ <i>Number of shares owned at the end of the period</i>	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ <i>Percentage of share ownership at the end of the period</i>	Ghi chú <i>Note</i>
1	(Tên người nội bộ/ <i>Name of internal person</i> )							
	Tên người có liên quan của người nội bộ/ <i>Name affiliated persons</i>							
2								

2. Giao dịch của người nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu của công ty/  
Transactions of internal persons and affiliated persons with shares of the company

Stt No.	Người thực hiện giao dịch <i>Transaction executor</i>	Quan hệ với người nội bộ <i>Relationship with internal persons</i>	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ <i>Number of shares owned at the beginning of the period</i>		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ <i>Number of shares owned at the end of the period</i>		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...) <i>Reasons for increasing, decreasing (buying, selling, converting, rewarding, etc.)</i>
			Số cổ phiếu <i>Number of shares</i>	Tỷ lệ <i>Percentage</i>	Số cổ phiếu <i>Number of shares</i>	Tỷ lệ <i>Percentage</i>	

**IX. Các vấn đề cần lưu ý khác/Other significant issues**

**Nơi nhận:**

**Recipients:**

- ...;

- Lưu: VT, ...

- Archived: ...

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHAIRMAN OF THE BOARD OF  
DIRECTORS**

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)  
(Sign, full name and seal)

TÊN CÔNG TY

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../.....

..., ngày ... tháng ... năm 20....

**BÁO CÁO TIỀN ĐỘ SỬ DỤNG VỐN/SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN/PHÁT HÀNH**

*(Theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán/phát hành số.../UBCK-GCN do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày .../.../20... hoặc Công văn số ... ngày .../.../20... của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thông báo nhận được đầy đủ hồ sơ...)*

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

**I. GIỚI THIỆU VỀ TỔ CHỨC PHÁT HÀNH**

1. Tên tổ chức phát hành (đầy đủ): .....
2. Địa chỉ trụ sở chính: .....
3. Điện thoại: ..... Fax: ..... Website: .....
4. Vốn điều lệ: ..... đồng.
5. Mã cổ phiếu (nếu có): .....
6. Nơi mở tài khoản thanh toán: ..... Số hiệu tài khoản: .....
7. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số doanh nghiệp....do Sở Kế hoạch và Đầu tư....cấp lần đầu ngày ..., cấp thay đổi lần thứ... ngày... (nếu thông tin thay đổi lần gần nhất).  
- Ngành nghề kinh doanh chính: ..... Mã ngành: .....  
- Sản phẩm/dịch vụ chính: .....
8. Giấy phép thành lập và hoạt động (nếu có theo quy định của pháp luật chuyên ngành):

**II. CHỨNG KHOÁN PHÁT HÀNH**

1. Tên chứng khoán: .....
2. Loại chứng khoán: .....
3. Mệnh giá: .....
4. Số lượng chứng khoán đã phát hành: .....
5. Tổng vốn/số tiền đã huy động: ..... đồng, trong đó phần vốn/số tiền huy động cho dự án: ..... đồng.
6. Ngày kết thúc đợt chào bán/phát hành: .....

**III. PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG VỐN/SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN/PHÁT HÀNH**

1. Tiến độ dự án theo kế hoạch đã công bố: .....
2. Tiến độ dự án hiện tại: .....
3. Những thay đổi (nếu có): .....
4. Lý do thay đổi (nếu có): .....
5. Báo cáo tiến độ được công bố thông tin tại: .....từ ngày ..... tháng ..... năm 20.....

**TÊN TỔ CHỨC PHÁT HÀNH**

*(Người đại diện theo pháp luật)*

*(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)*



(Ban hành kèm theo Quy chế thực hiện quyền cho người sở hữu chứng khoán)

Mẫu 07/THQ

TÊN TCPH

Số:

V/v

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày..... tháng..... năm.....

## THÔNG BÁO

(Về ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền.....)

**Kính gửi: Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam**

Tên Tổ chức phát hành:

Tên giao dịch:

Trụ sở chính:

Điện thoại:

Fax:

Sàn giao dịch: (ghi rõ HOSE, HNX, UPCOM...)

Xin thông báo đến Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD) ngày đăng ký cuối cùng cho chứng khoán sau:

Tên chứng khoán:

Mã chứng khoán:

Mã ISIN:

Loại chứng khoán: - Cổ phiếu phổ thông  
- Cổ phiếu ưu đãi biểu quyết/hoàn lại/cổ tức...  
(ghi rõ các trường hợp ưu đãi nếu có phát hành)

Mệnh giá:

Ngày đăng ký cuối cùng:

Đồng thời đề nghị VSD lập và gửi cho Công ty chúng tôi danh sách người sở hữu chứng khoán nêu trên.

Địa chỉ email nhận file dữ liệu: (Ghi rõ địa chỉ email của TCPH trong trường hợp TCPH muốn VSD gửi file dữ liệu Danh sách người sở hữu chứng khoán)

### 1. Lý do và mục đích (ghi những nội dung thực hiện)

- Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản ....
- Tổ chức Đại hội đồng cổ đông....
- Trả cổ tức/tạm ứng cổ tức năm ... bằng tiền
- Trả cổ tức năm ... bằng cổ phiếu
- Thương cổ phiếu
- Thực hiện quyền mua cổ phiếu/trái phiếu/trái phiếu chuyển đổi
- Hoán đổi cổ phiếu CTCP...thành cổ phiếu CTCP...

## **2. Nội dung cụ thể** (ghi những nội dung thực hiện)

### **a. Tổ chức Đại hội đồng cổ đông/lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản**

- Tỷ lệ thực hiện:

+ Đối với cổ phiếu phổ thông: ....cổ phiếu - ....quyền biểu quyết

+ Đối với cổ phiếu ưu đãi biểu quyết:....cổ phiếu - ....quyền biểu quyết

...

- Thời gian thực hiện:

- Địa điểm thực hiện:

- Nội dung họp/lấy ý kiến:

### **b. Trả cổ tức bằng tiền**

- Tỷ lệ thực hiện:

+ Đối với cổ phiếu phổ thông: ....%/cổ phiếu ( 01cổ phiếu được nhận ..... đồng)

+ Đối với cổ phiếu ưu đãi cổ tức: ....%/cổ phiếu ( 01cổ phiếu được nhận ..... đồng)

...

- Thời gian thực hiện: (Ghi rõ ngày trả cổ tức và ngày trả cổ tức này phải là 01 ngày làm việc)

- Địa điểm thực hiện:

Đối với chứng khoán lưu ký: Người sở hữu làm thủ tục nhận cổ tức tại các Thành viên lưu ký (TVLK) nơi mở tài khoản lưu ký.

Đối với chứng khoán chưa lưu ký: Người sở hữu làm thủ tục nhận cổ tức tại ..... (vào các ngày làm việc trong tuần hoặc vào các ngày trong tuần..) từ ngày .....(ngày này phải trùng với thời gian thực hiện nêu trên) và xuất trình chứng minh nhân dân.

### **c. Trả cổ tức bằng cổ phiếu/Thương cổ phiếu**

- Tỷ lệ thực hiện:

+ Đối với cổ phiếu phổ thông: ..... (Người sở hữu ....cổ phiếu được nhận....cổ phiếu mới)

+ Đối với cổ phiếu ưu đãi:..... (Người sở hữu ....cổ phiếu được nhận....cổ phiếu mới)

.....

- Phương án làm tròn, phương án xử lý cổ phiếu lẻ (nếu có):

- Ví dụ: (đưa ví dụ cụ thể)

- Địa điểm thực hiện:

+ Đối với chứng khoán lưu ký: Người sở hữu làm thủ tục nhận cổ tức bằng cổ phiếu/cổ phiếu thương tại các Thành viên lưu ký (TVLK) nơi mở tài khoản lưu ký.

+ Đối với chứng khoán chưa lưu ký: người sở hữu làm thủ tục nhận cổ tức bằng cổ phiếu/cổ phiếu thương tại..... và xuất trình chứng minh nhân dân.

### **d. Thực hiện quyền mua cổ phiếu**

- Số lượng chứng khoán phát hành:

- Giá phát hành:
- Tỷ lệ thực hiện: ..... (01 cổ phiếu được hưởng... quyền, ..... quyền được mua..... cổ phiếu mới).
- Phương án làm tròn, phương án xử lý cổ phiếu lẻ, phương án xử lý cổ phiếu không đặt mua hết (nếu có):
  - Ví dụ: *(đưa ví dụ cụ thể)*
  - Quy định về chuyển nhượng quyền mua:
    - + Thời gian chuyển nhượng quyền mua: Từ ngày.....đến ngày.....
    - + Quyền mua được chuyển nhượng.... lần
  - Quy định về chứng khoán đặt mua:
    - + Thời gian đăng ký đặt mua và nộp tiền mua cổ phiếu: Từ ngày.....đến ngày.....
    - + Chứng khoán đặt mua là loại tự do chuyển nhượng/hạn chế chuyển nhượng....
  - Địa điểm thực hiện:
    - + Đối với chứng khoán lưu ký: Người sở hữu làm thủ tục chuyển nhượng quyền mua, đăng ký mua và nộp tiền mua cổ phiếu tại các Thành viên lưu ký (TVLK) nơi mở tài khoản lưu ký.
    - + Đối với chứng khoán chưa lưu ký: Người sở hữu làm thủ tục chuyển nhượng quyền mua, đăng ký mua và nộp tiền mua cổ phiếu tại..... và xuất trình chứng minh nhân dân.
  - Thông tin về tài khoản phong toả đặt mua chứng khoán:
    - + Tên chủ tài khoản:.....
    - + Số TK: .....
    - + Nơi mở TK:.....

#### ***e. Thực hiện quyền chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi***

- Số lượng trái phiếu chuyển đổi phát hành:
- Giá phát hành:
- Tỷ lệ chuyển đổi: ..... (01 trái phiếu được chuyển đổi thành .....cổ phiếu).
- Phương án làm tròn, phương án xử lý trái phiếu không chuyển đổi hết (nếu có):
  - Ví dụ: *(đưa ví dụ cụ thể)*
  - Thời gian đăng ký chuyển đổi: Từ ngày.....đến ngày.....
  - Địa điểm thực hiện:
    - + Đối với chứng khoán lưu ký: Người sở hữu làm thủ tục chuyển đổi trái phiếu tại các Thành viên lưu ký (TVLK) nơi mở tài khoản lưu ký
    - + Đối với chứng khoán chưa lưu ký: Người sở hữu làm thủ tục chuyển đổi trái phiếu tại.....và xuất trình chứng minh nhân dân.

#### ***f. Hoán đổi cổ phiếu***

- Tỷ lệ hoán đổi:
- + Đối với cổ phiếu phổ thông: ..... (Người sở hữu ....cổ phiếu... được nhận....cổ phiếu...)

+ Đối với cổ phiếu ưu đãi:..... (Người sở hữu ....cổ phiếu... được nhận....cổ phiếu ...)

.....

- Phương án làm tròn, phương án xử lý cổ phiếu lẻ (nếu có):

- Ví dụ: *(đưa ví dụ cụ thể)*

- Địa điểm thực hiện:

+ Đối với chứng khoán lưu ký: Người sở hữu làm thủ tục hoán đổi cổ phiếu tại các Thành viên lưu ký (TVLK) nơi mở tài khoản lưu ký.

+ Đối với chứng khoán chưa lưu ký: người sở hữu làm thủ tục hoán đổi cổ phiếu tại..... và xuất trình chứng minh nhân dân.

Chúng tôi cam kết những thông tin về người sở hữu trong danh sách sẽ được sử dụng đúng mục đích và tuân thủ các quy định của VSD. Công ty chúng tôi sẽ hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu có sai phạm.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- SGDCK...;
- Lưu...

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT**

*(chữ ký, họ tên, đóng dấu)*

**\* Tài liệu đính kèm**

-...

-...

(Ghi thông tin các tài liệu phải gửi kèm Thông báo đối với từng mục đích chốt danh sách được quy định tại Điều 8 Quy chế thực hiện quyền cho người sở hữu chứng khoán)

TÊN TỔ CHỨC  
ORGANIZATION NAME  
-----

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM  
Independence - Freedom - Happiness  
-----

Số: /  
No: /

....., ngày ... tháng ... năm .....  
....., day ... month ... year .....

**DANH SÁCH CỔ ĐÔNG NHÀ NƯỚC, CỔ ĐÔNG LỚN**  
*LIST OF STATE SHAREHOLDERS AND MAJORITY SHAREHOLDERS*

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội  
To: Hanoi Stock Exchange

Mã chứng khoán/Stock code:

Ngày chốt danh sách sở hữu/Record date:

STT	Tên cá nhân/tổ chức (người đại diện)	Phân loại cổ đông		Số CMND	Ngày cấp	Số lượng CP nắm giữ	Tỷ lệ CP nắm giữ (%)	Ghi chú
		Shareholder type						
		Cổ đông nhà nước	Cổ đông lớn					
No.	Name of person/organization (name of representative)	State shareholder	Majority shareholder	ID number	Date of issue	Shareholding (shares)	Shareholding (%)	Notes
1	2	3	4	5	6	7	8	9

Đại diện tổ chức

**Organization representative**

Người đại diện theo pháp luật/Người được UQ CBTT  
Legal representative/Person authorized to disclose information  
(Ký, ghi rõ họ tên (chức vụ, đóng dấu-nếu là tổ chức)  
(Signature, full name, position, and seal - in case of organization)

**Mẫu 02\_CBTT/SGDHN**

(Ban hành kèm theo Quyết định số .../QĐ-SGDHN ngày .../.../2016 của Tổng Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội về Quy chế Công bố thông tin tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội)

**Form 02\_SGDHN**

(Issued with the Decision No.../QĐ-SGDHN on ....., 2016 of the CEO of Hanoi Stock Exchange on the Information Disclosure Regulation of Hanoi Stock Exchange)

**TÊN TỔ CHỨC**  
**ORGANIZATION NAME**

-----

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  
**THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM**  
**Independence - Freedom - Happiness**

-----

Số: /  
No: /

....., ngày ... tháng ... năm .....  
....., day ... month ... year .....

**THÔNG BÁO THAY ĐỔI NHÂN SỰ**  
**CHANGE IN PERSONNEL**

(Mẫu dùng cho các trường hợp bổ nhiệm và/hoặc miễn nhiệm/từ nhiệm)  
Applied to cases of appointment and/or dismissal/resignation)

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội  
To: Hanoi Stock Exchange

Căn cứ theo Nghị quyết HĐQT số... ngày... và/hoặc Nghị quyết ĐHĐCĐ số... ngày... của Công ty\_ (tên tổ chức), chúng tôi trân trọng thông báo việc thay đổi nhân sự của Công ty\_ (tên tổ chức) như sau:

Based on Board Resolution No....dated... and/or General Mandate No.... dated... of ..... (name of organization), we would like to announce the change in personnel of ..... (name of organization) as follows:

**Trường hợp bổ nhiệm/In case of appointment (\*):**

- Ông (bà)/Mr./Ms.:
- Chức vụ trước khi bổ nhiệm/Former position in the organization:
- Chức vụ được bổ nhiệm/Newly appointed position: .....
- Thời hạn bổ nhiệm/Term:
- Ngày bắt đầu có hiệu lực/Effective date:

**Trường hợp miễn nhiệm/từ nhiệm/In case of dismissal/resignation:**

- Ông (bà)/Mr./Ms.:
- Không còn đảm nhận chức vụ/Dismissed/Resigned position: .....
- Lý do miễn nhiệm (nếu có)/Reason (if any):
- Ngày bắt đầu có hiệu lực/Effective date:

**\*Tài liệu đính kèm/Attached documents:**

- Quyết định HĐQT/Nghị quyết ĐHĐCĐ về việc thay đổi nhân sự;  
Board Resolution and/or General Mandate on the change in personnel.
- Danh sách người có liên quan (mẫu 03\_CBTT/SGDCK)  
List of related persons (Form 03\_CBTT/SGDCK).

**Đại diện tổ chức**

**Organization representative**

Người đại diện theo pháp luật/Người UQ CBTT  
Legal representative/Person authorized to disclose information  
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)  
(Signature, full name, position, and seal)

✓

**Mẫu 03\_CBTT/SGDHN**

(Ban hành kèm theo Quyết định số .../QĐ-SGDHN ngày .../.../2016 của Tổng Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội về Quy chế Công bố thông tin tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội)

**Form 03\_CBTT/SGDHN**

(Issued with the Decision No. .../QĐ-SGDHN on ....., 2016 of the CEO of Hanoi Stock Exchange on the Information Disclosure Regulation of Hanoi Stock Exchange)

**TÊN TỔ CHỨC**  
**ORGANIZATION NAME**

-----

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  
**THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM**  
**Independence - Freedom - Happiness**

-----

Số: /

....., ngày ... tháng ... năm .....

No: /

....., day ... month ... year .....

**DANH SÁCH NGƯỜI NỘI BỘ VÀ NHỮNG NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN**  
**LIST OF INSIDERS AND THEIR RELATED PERSONS**

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội  
To: Hanoi Stock Exchange

Mã chứng khoán/Stock code:

ST T	Tên người nội bộ và người có liên quan	Chức vụ/ Mọi quan hệ	Địa chỉ	Số ID, Ngày cấp	SL CP của cá nhân/ Đại diện sở hữu	Tỷ lệ CP nắm giữ (%)	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm	Điện thoại và Fax
No.	Name of person	Position/ Relationship	Address	ID number, Date of issue	Shareholding (shares)	Shareholding (%)	Appointment date	Dismissal date	Tel. and Fax
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1	Nguyễn Văn A	Người nội bộ							
1.1	Nguyễn Thị B	Người có liên quan của Nguyễn Văn A							
1.2	Nguyễn Văn C	Người có liên quan của Nguyễn Văn A							
1.3									

2									
2.1									
2.2									

**\* Ghi chú/Notes:**

1. Người nội bộ được hiểu theo quy định tại khoản 5 Điều 2 Thông tư số 155/2015/TT-BTC/*Insiders are interpreted as in clause 5 Article 2 Circular No.155/2015/TT-BTC.*

2. Nếu người nội bộ là người đại diện vốn cho tổ chức khác làm thành viên HĐQT, Ban Tổng giám đốc, Ban Kiểm soát của công ty, thì ghi rõ thông tin liên quan của tổ chức và người đại diện sở hữu vốn đó/*Insiders are representatives of the institutional investors and acting in BOD, BOM, Supervisory Board, provide detailed information on the institution and the representatives.*

3. Đối với công ty chứng khoán thành viên, chỉ cung cấp thông tin của Người được ủy quyền công bố thông tin và người có liên quan của Người được ủy quyền công bố thông tin/*Member firms shall only provide information of Authorized person to disclose information and related persons.*

4. Cột 8, cột 9: Áp dụng đối với người nội bộ/*Columns No 8, 9: Applicable to insiders.*

**Đại diện tổ chức**

**Organization representative**

Người đại diện theo pháp luật/Người UQ CBTT

*Legal representative/Person authorized to disclose information*

*(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)*

*(Signature, full name, position, and seal)*



**Mẫu 04\_CBTT/SGDHN**

(Ban hành kèm theo Quyết định số .../QĐ-SGDHN ngày .../.../2016 của Tổng Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội về Quy chế Công bố thông tin tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội)

**Form 04\_CBTT/SGDHN**

(Issued with the Decision No.../QĐ-SGDHN on ....., 2016 of the CEO of Hanoi Stock Exchange on the Information Disclosure Regulation of Hanoi Stock Exchange)

**TÊN TỔ CHỨC  
ORGANIZATION NAME**

-----

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM  
Independence - Freedom - Happiness**

-----

Số: /

No: /

....., ngày ... tháng ... năm .....

....., day ... month ... year .....

**THÔNG BÁO THAY ĐỔI NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ  
CHANGE IN RELATED PERSONS OF INSIDERS**

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội  
To: Hanoi Stock Exchange

**1. Người nội bộ/Insider**

- Ông (bà)/Mr./Ms.:

- Chức vụ hiện tại/Current position:

**2. Người có liên quan/Related person:**

- Ông (bà)/Mr./Ms.:

- Địa chỉ liên lạc/Address:

- Điện thoại/Tel.:

- E-mail:

- Mối quan hệ mới phát sinh/Mối quan hệ trước đây với người nội bộ/Relationship/Former relationship with insider:

- Lý do phát sinh mối quan hệ liên quan/không còn liên quan/Reason for relationship/no longer being related:

- Ngày bắt đầu có hiệu lực/Effective date:

**Đại diện tổ chức**

**Organization representative**

Người đại diện theo pháp luật/Người UQ CBTT  
Legal representative/Person authorized to disclose information

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)  
(Signature, full name, position, and seal)

**Mẫu 05\_CBTT/SGDHN**

(Ban hành kèm theo Quyết định số \_/QĐ-SGDHN ngày \_/\_/2016 của Tổng Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội về Quy chế Công bố thông tin tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội)

**Form 05\_CBTT/SGDHN**

(Issued with the Decision No.../QĐ-SGDHN on ....., 2016 of the CEO of Hanoi Stock Exchange on the Information Disclosure Regulation of Hanoi Stock Exchange)

**TÊN TỔ CHỨC**  
**ORGANIZATION NAME**  
-----

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  
**THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM**  
**Independence - Freedom - Happiness**  
-----

Số: /  
No: /

....., ngày ... tháng ... năm .....

....., day ... month ... year .....

**THÔNG BÁO THAY ĐỔI GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP/GIẤY PHÉP THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG/GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG**  
**CHANGE IN CERTIFICATE OF BUSINESS REGISTRATION/LICENSE OF ESTABLISHMENT AND OPERATION/LICENSE OF OPERATION**

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội  
To: Hanoi Stock Exchange

Căn cứ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy phép thành lập và hoạt động/Giấy phép hoạt động số \_ngày\_/\_/\_ do (cơ quan)\_ cấp, chúng tôi trân trọng thông báo việc thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy phép thành lập và hoạt động/Giấy phép hoạt động của Công ty chúng tôi như sau:

Based on the Certificate of business registration/License of Establishment and Operation/License of Operation No... dated... issued by....., we would like to announce the change in the Certificate of business registration/License of Establishment and Operation /License of Operation as follows:

- Tên tổ chức/Name of organization:
  - Mã chứng khoán/Stock code:
  - Địa chỉ/Address:
  - Điện thoại liên hệ/Tel.: Fax:
  - E-mail:
  - Website:
1. Thông tin trước khi thay đổi/Information before change:
  2. Thông tin sau khi thay đổi/Information after change:
  3. Lý do thay đổi (nếu có)/Reason for change (if any):
  4. Ngày có hiệu lực/Effective date:

**\* Tài liệu đính kèm/Attached documents:**

Giấy phép hoạt động mới  
New Certificate/License

**Đại diện tổ chức**

**Organization representative**

Người đại diện theo pháp luật/Người UQ CBTT  
Legal representative/Person authorized to disclose information  
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)  
(Signature, full name, position, and seal)

**Mẫu 06\_CBTT/SGDHN**

(Ban hành kèm theo Quyết định số \_/QĐ-SGDHN ngày \_/\_/2016 của Tổng Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội về Quy chế Công bố thông tin tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội)

**Form 06\_CBTT/SGDHN**

(Issued with the Decision No.../QĐ-SGDHN on ....., 2016 of the CEO of Hanoi Stock Exchange on the Information Disclosure Regulation of Hanoi Stock Exchange)

**TÊN TỔ CHỨC**  
**ORGANIZATION NAME**

-----

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  
**THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM**  
**Independence - Freedom - Happiness**

-----

Số: /

No: /

....., ngày ... tháng ... năm .....

....., day ... month ... year .....

**THÔNG BÁO (THAY ĐỔI) MÔ HÌNH CÔNG TY VÀ LOẠI BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
**ANNOUNCEMENT OF (CHANGE IN) CORPORATE STRUCTURE AND FINANCIAL STATEMENTS**

**Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội**  
**To: Hanoi Stock Exchange**

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 8 Thông tư 155/2015/TT-BTC, Công ty \_(tên tổ chức) xin thông báo về việc thay đổi mô hình công ty và loại báo cáo tài chính (BCTC) như sau:

*Based on point a, clause 1 Article 8 of Circular No. 155/2015/TT-BTC, we would like to make the announcement of (change in) corporate structure and financial statements as follows:*

- Tên tổ chức/*Name of organization:*

- Mã chứng khoán/*Stock code:*

- Địa chỉ/*Address:*

- Điện thoại liên hệ/*Tel.:*

Fax:

- E-mail:

- Website:

**I. Thông tin đăng ký lần đầu/trước khi thay đổi/*Initial disclosed information/Information before change:***

1. Mô hình công ty (chỉ đánh dấu loại hình phù hợp)/*Corporate structure (tick on applicable option only):*

Không có công ty con và đơn vị kế toán trực thuộc/*Having no affiliates or sub-units*

Có đơn vị kế toán trực thuộc/*Having sub-units*

Có công ty con/*Having affiliates*

Có đơn vị kế toán trực thuộc và công ty con/*Having affiliates and sub-units*

2. Loại BCTC công bố thông tin (chỉ đánh dấu các loại BCTC đăng ký công bố thông tin theo quy định tương ứng với loại hình nêu tại khoản 1 mục này)/*Financial statements to be disclosed (tick on the financial statements relevant to the type of business chosen above):*

BCTC riêng của công ty/*Uncombined/Unconsolidated Financial statements*

- BCTC tổng hợp/*Combined financial statements*
- BCTC hợp nhất/*Consolidated financial statements*

## **II. Thông tin sau khi thay đổi/*Information after change***

1. Mô hình công ty (chỉ đánh dấu loại hình phù hợp)/*Corporate structure (tick on applicable option only):*

- Không có công ty con và đơn vị kế toán trực thuộc/*Having no affiliates or sub-units*
- Có đơn vị kế toán trực thuộc/*Having sub-units*
- Có công ty con/*Having affiliates*
- Có đơn vị kế toán trực thuộc và công ty con/*Having affiliates and sub-units*

2. Loại BCTC công bố thông tin (chỉ đánh dấu các loại BCTC đăng ký công bố thông tin theo quy định tương ứng với loại hình nêu tại khoản 1 mục này)/*Financial statements to be disclosed (tick on the financial statements relevant to the type of business chosen above):*

- BCTC riêng của công ty/*Uncombined/Unconsolidated Financial statements*
- BCTC tổng hợp/*Combined financial statements*
- BCTC hợp nhất/*Consolidated financial statements*

3. Lý do thay đổi/*Reason for change:*

4. Ngày bắt đầu có hiệu lực/*Effective date:*

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố./*We hereby certify that the information provided is true and correct and we bear the full responsibility to the law.*

**\* Tài liệu đính kèm/*Attached documents:***

Tài liệu liên quan đến việc thay đổi thông tin đã đăng ký.  
*Documents on the changes in the registered information.*

**Đại diện tổ chức**

***Organization representative***

Người đại diện theo pháp luật/Người UQ CBTT  
*Legal representative/Person authorized to disclose information*

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)  
*(Signature, full name, position, and seal)*

**Mẫu 07\_CBTT/SGDHN**

(Ban hành kèm theo Quyết định số .../QĐ-SGDHN ngày .../.../2016 của Tổng Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội về Quy chế Công bố thông tin tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội)

**Form 07\_CBTT/SGDHN**

(Issued with the Decision No.../QĐ-SGDHN on ....., 2016 of the CEO of Hanoi Stock Exchange on the Information Disclosure Regulation of Hanoi Stock Exchange)

**TÊN TỔ CHỨC**  
**ORGANIZATION NAME**

-----

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  
**THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM**  
**Independence - Freedom - Happiness**

-----

Số: /  
No: /

....., ngày ... tháng ... năm .....  
....., day ... month ... year .....

**THÔNG BÁO THAY ĐỔI SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU CÓ QUYỀN BIỂU QUYẾT ĐANG LƯU HÀNH**  
**CHANGE IN OUTSTANDING SHARES WITH VOTING RIGHTS**

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội  
To: Hanoi Stock Exchange

- Tên tổ chức/Name of organization:
- Mã chứng khoán/Stock code:
- Địa chỉ/Address:
- Điện thoại liên hệ/Tel.: Fax:
- E-mail:
- Website:

STT No.	Nội dung Contents	Trước khi thay đổi Before change	Thay đổi Change	Sau khi thay đổi After change	Lý do thay đổi Reason for change
1	Vốn điều lệ (VND) Charter Capital (VND)				
2	Tổng số cổ phiếu Total number of shares				
3	Số lượng cổ phiếu quỹ Number of treasury shares				
4	Số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết đang lưu hành Number of outstanding shares with voting rights				
5	Số lượng cổ phiếu khác (nếu có) Others (if any)				

**\* Tài liệu đính kèm/Attached documents:**

- Giấy Chứng nhận đăng ký chứng khoán thay đổi/các tài liệu khác có liên quan
- Securities Registration Certificate on the change/Other related documents

**Đại diện tổ chức**

**Organization representative**

Người đại diện theo pháp luật/Người UQ CBTT  
Legal representative/Person authorized to disclose information

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)  
(Signature, full name, position, and seal)

**Mẫu 08\_CBTT/SGDHN**

(Ban hành kèm theo Quyết định số .../QĐ-SGDHN ngày .../.../2016 của Tổng Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội về Quy chế Công bố thông tin tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội)

**Form 08\_CBTT/SGDHN**

(Issued with the Decision No.../QĐ-SGDHN on ....., 2016 of the CEO of Hanoi Stock Exchange on the Information Disclosure Regulation of Hanoi Stock Exchange)

**TÊN TỔ CHỨC**  
**ORGANIZATION NAME**

-----

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  
**THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM**  
**Independence - Freedom - Happiness**

-----

Số: /

....., ngày ... tháng ... năm .....

No: /

....., day ... month ... year .....

**CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG**  
**EXTRAORDINARY INFORMATION DISCLOSURE**

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội  
**To: Hanoi Stock Exchange**

1. Tên tổ chức/*Name of organization:*

- Mã chứng khoán/*Stock code:*

- Địa chỉ/*Address:*

- Điện thoại liên hệ/*Tel.:*

Fax:

- E-mail:

2. Nội dung thông tin công bố/*Contents of disclosure:*

.....

(Đối với trường hợp đính chính hoặc thay thế thông tin đã công bố cần giải trình rõ nguyên nhân đính chính hoặc thay thế)/*In case of correction or replacement of previously disclosed information, explanation is needed*)

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày .../.../... tại đường dẫn .../This information was published on the company's website on ..... (date), as in the link\_:

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố/We hereby certify that the information provided is true and correct and we bear the full responsibility to the law.

**\* Tài liệu đính kèm/Attached documents:**

Tài liệu liên quan đến nội dung thông tin công bố/Documents on disclosed information.

**Đại diện tổ chức**

**Organization representative**

Người đại diện theo pháp luật/Người UQ CBTT  
Legal representative/Person authorized to disclose information

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)

(Signature, full name, position, and seal)

**Mẫu 09\_CBTT/SGDHN**

(Ban hành kèm theo Quyết định số .../QĐ-SGDHN ngày .../.../2016 của Tổng Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội về Quy chế Công bố thông tin tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội)

**Form 09\_CBTT/SGDHN**

(Issued with the Decision No.../QĐ-SGDHN on ....., 2016 of the CEO of Hanoi Stock Exchange on the Information Disclosure Regulation of Hanoi Stock Exchange)

**TÊN TỔ CHỨC**  
**ORGANIZATION NAME**

-----

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  
**THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM**  
**Independence - Freedom - Happiness**

-----

Số: /

....., ngày ... tháng ... năm .....

No: /

....., day ... month ... year .....

**BẢNG CUNG CẤP THÔNG TIN VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY**  
**INFORMATION ON CORPORATE GOVERNANCE**

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội  
To: Hanoi Stock Exchange

STT No.	Câu hỏi Question	Phản trả lời Answer
1	Mã CK/Stock code	
2	Tỷ lệ sở hữu của cổ đông Nhà nước (%) State shareholding (%)	
3	Cơ cấu tổ chức quản lý/Organizational structure: chọn 1 trong 2 (check one only)  (1): Theo điểm a khoản 1 Điều 134 Luật Doanh nghiệp 2014/According to point a clause 1, Article 134, Law on Enterprise 2014  (2): Theo điểm b khoản 1 Điều 134 Luật Doanh nghiệp 2014/According to point b clause 1 Article 134, Law on Enterprise 2014	  <input type="checkbox"/>  <input type="checkbox"/>
4	Công ty có Ban kiểm toán nội bộ không? (Có/Không) Does the company have Audit Committee? (Yes/No)	
5	Số lượng người đại diện theo pháp luật của công ty? Number of legal representatives?	
6	Ngày ban hành Điều lệ công ty (bản mới nhất) Issue date of company's Charter (latest version)	

7		<p>Điều lệ đã sửa đổi theo Luật Doanh nghiệp 2014 (Có/Không)</p> <p><i>Charter amended according to Law on Enterprise 2014? (Yes/No)</i></p>	
8		<p>Ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên/Bất thường (nếu có)</p> <p><i>Date of Annual/Extraordinary General Meeting of Shareholders (if any)</i></p>	
9		<p>Ngày đăng tải tài liệu Đại hội đồng cổ đông</p> <p><i>Release date of documents for General Meeting of Shareholders</i></p>	
10		<p>Ngày công bố Nghị quyết và Biên bản Đại hội đồng cổ đông</p> <p><i>Release date of General Mandate and Minutes of General Meeting of Shareholders</i></p>	
11		<p>Công ty có bị khiếu kiện về việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông không? (Có/Không)</p> <p><i>Are there any complaints on the organizing/General Mandate of the company's General Meeting of Shareholders? (Yes/No)</i></p>	
12		<p>Số lần bị SGDCK nhắc nhở, lưu ý liên quan đến việc tổ chức và công bố thông tin về Đại hội đồng cổ đông?</p> <p><i>Number of times that the Exchange reminds the company of the organizing and information disclosure on the General Meeting of Shareholders?</i></p>	
13		<p>Số lần bị Ủy ban Chứng khoán Nhà nước nhắc nhở, lưu ý liên quan đến việc tổ chức và công bố thông tin về Đại hội đồng cổ đông?</p> <p><i>Number of times that the State Securities Commission reminds the company of the organizing and information disclosure on the General Meeting of Shareholders?</i></p>	
14		<p>Số lượng Thành viên Hội đồng quản trị hiện nay?</p> <p><i>Number of Directors at present?</i></p>	
15	Hội đồng quản trị <b>Board of Directors</b>	<p>Số lượng thành viên Hội đồng quản trị độc lập?</p> <p><i>Number of independent Directors?</i></p>	
16		<p>Tỷ lệ thành viên Hội đồng quản trị độc lập/Tổng số thành viên Hội đồng quản trị?</p>	



		<i>Percentage of independent Directors/Total number of Directors?</i>	
17		<p>Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm nhiệm Tổng giám đốc/Giám đốc không? (Có/Không)</p> <p><i>Does Chair of the BOD concurrently hold the CEO position? (Yes/No)</i></p>	
18		<p>Số lượng cuộc họp Hội đồng quản trị trong năm?</p> <p><i>Number of BOD meetings in the year?</i></p>	
19		<p>Công ty có thành lập các tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị không? (Có/Không)</p> <p><i>Does the company establish committees directly under the BOD? (Yes/No)</i></p>	
20		Tên các tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị/ <i>Names of committees directly under the BOD?</i>	
21		<p>Công ty có Thành viên Hội đồng quản trị độc lập phụ trách vấn đề lương thưởng, nhân sự không? (Có/Không)</p> <p><i>Is there any independent BOD member in charge of remuneration/ reward or human resource? (Yes/No)</i></p>	
22	<p><b>Ban kiểm soát/ Supervisory Board</b></p> <p><b>Ban kiểm toán nội bộ (đối với tổ chức không có Ban kiểm soát)</b></p> <p><b>Internal Audit Department (in case there is no Supervisory Board in the organization)</b></p>	<p>Số lượng kiểm soát viên/kiểm toán viên hiện nay?</p> <p><i>Number of members of supervisory board/auditors at present?</i></p>	
23		<p>Số lượng kiểm soát viên là kế toán viên/kiểm toán viên/Số lượng kiểm toán viên là kế toán? (liệt kê cụ thể đối với từng người)</p> <p><i>Number of supervisors having qualifications of accountants/auditors? Number of members of auditors being accountants?(detailed list by person)</i></p>	
24		<p>Số lượng kiểm soát viên/kiểm toán viên là người liên quan của Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc/Tổng Giám đốc và người quản lý khác (liệt kê tên của kiểm soát viên/kiểm toán viên là người liên quan nếu có)</p> <p><i>Number of supervisors/auditors being related persons of Directors, CEO and other executives (names of supervisors/auditors being related persons of Directors and CEO, if any)</i></p>	
25		<p>Số lượng kiểm soát viên/kiểm toán viên nắm giữ chức vụ quản lý?</p> <p><i>Number of supervisors/auditors holding executive positions?</i></p>	

26		Số lượng kiểm soát viên/kiểm toán viên là người trong bộ phận kế toán tài chính hay nhân viên công ty kiểm toán thực hiện kiểm toán cho công ty trong vòng 3 năm trước đó  <i>Number of supervisors/auditors who worked in the financial and accounting department or as an auditor for the company within the last 3 years?</i>	
27		Số lượng cuộc họp Ban kiểm soát/Ban kiểm toán nội bộ trong năm  <i>Number of meetings of Supervisory Board/Audit Committee in the year</i>	
28	<b>Vấn đề khác</b> <i>Other issues</i>	Website công ty cung cấp đầy đủ thông tin cho cổ đông theo quy định? (Có/Không)  <i>Does the company's website provide sufficient information to shareholders as stipulated? (Yes/No)</i>	
29		Công ty trả cổ tức trong vòng 6 tháng từ ngày kết thúc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên (Có/Không)  <i>Does the company pay dividend within 6 months since the end of the Annual General Meeting of Shareholders? (Yes/No)</i>	
30		Công ty có bị Sở giao dịch chứng khoán hoặc Ủy ban chứng khoán Nhà nước nhắc nhở, lưu ý về giao dịch với các bên liên quan không? (Có/Không)  <i>Have the Exchange or the State Securities Commission reminded the company on transactions with related parties? (Yes/No)</i>	

**Đại diện tổ chức**

**Organization representative**

Người đại diện theo pháp luật/Người UQ CBTT

*Legal representative/Person authorized to disclose information*

*(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)*

*(Signature, full name, position, and seal)*

**Mẫu 10\_CBTT/SGDHN**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số .../QĐ-SGDHN ngày .../.../2016 của Tổng Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội về Quy chế Công bố thông tin tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội)*

**Form 10\_CBTT/SGDHN**

*(Issued with the Decision No. .../QĐ-SGDHN on ....., 2016 of the CEO of Hanoi Stock Exchange on the Information Disclosure Regulation of Hanoi Stock Exchange)*

**TÊN TỔ CHỨC  
ORGANIZATION NAME**

-----

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM  
Independence - Freedom - Happiness**

-----

Số: /  
No: /

....., ngày ... tháng ... năm .....  
....., day ... month ... year .....

**THÔNG BÁO VỀ VIỆC KẾT THÚC NGHĨA VỤ CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỐI VỚI CÔNG TY ĐẠI  
CHUNG QUY MÔ LỚN  
ANNOUNCEMENT OF TERMINATION OF INFORMATION DISCLOSURE AS A LARGE-CAP  
PUBLIC COMPANY**

**Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội  
To: Hanoi Stock Exchange**

1. Thông tin về tổ chức/Organization particulars:

- Tên tổ chức/Name of organization:
- Mã chứng khoán/Stock code:
- Địa chỉ/Address:
- Điện thoại liên hệ/Tel.: Fax:
- E-mail:
- Website:

2. Ngày trở thành tổ chức đăng ký giao dịch quy mô lớn: Từ ngày \_/\_/

*Date of becoming a large-cap public company: From .....*

3. Ngày không còn là tổ chức đăng ký giao dịch quy mô lớn: Từ ngày \_/\_/

*Date of no longer being a large-cap public company: From.....*

4. Ngày kết thúc việc công bố thông tin theo quy định đối với tổ chức đăng ký giao dịch quy mô lớn: Từ ngày \_/\_/

*Termination date of information disclosure as a large-cap public company: From .....*

**Đại diện tổ chức  
Organization representative**

**Người đại diện theo pháp luật/Người UQ CBTT  
Legal representative/Person authorized to  
disclose information**

*(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)  
(Signature, full name, position, and seal)*

**Phụ lục VII  
Appendix VII**

**BÁO CÁO VỀ NGÀY TRỞ THÀNH/KHÔNG CÒN LÀ CỔ ĐÔNG LỚN, NHÀ ĐẦU TƯ  
NẮM GIỮ TỪ 5% TRỞ LÊN CỔ PHIẾU/ CHỨNG CHỈ QUỸ ĐÓNG**

**REPORT ON THE DAY BECOMING/CEASING TO BE MAJOR SHAREHOLDERS OR  
INVESTORS OWNING 5% OR MORE OF SHARES/ CLOSED-END FUND CERTIFICATES**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng  
Bộ Tài chính)*

*(Promulgated with the Circular No 96/2020/TT-BTC on November 16, 2020 of the Minister of  
Finance)*

**TÊN CÔNG TY/CÁ NHÂN  
COMPANY'S NAME/ FULL  
NAME**

Số: ..../BC-....

No: ..../BC-....

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM  
Independence - Freedom – Happiness**

\_\_\_\_\_  
..., ngày... tháng... năm...  
..., month ... day... year...

**BÁO CÁO**

**Về ngày trở thành/ không còn là cổ đông lớn nhất, nhà đầu tư nắm giữ từ 5% trở lên cổ  
phiếu/chứng chỉ quỹ đóng**

**REPORT ON THE DAY BECOMING/CEASING TO BE MAJOR SHAREHOLDERS,  
INVESTORS OWNING 5% OR MORE OF SHARES/ CLOSED-END FUND CERTIFICATES**

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán;
- Tên Công ty đại chúng/ Công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán.

To:

- The State Securities Commission;
- The Stock Exchange;
- Name of The public company/The fund management company.

1. Thông tin về cá nhân/tổ chức đầu tư/*Information on individual/organization:*

- Họ và tên cá nhân/Tên tổ chức đầu tư/*Name of individual/ organisation:*

- Quốc tịch/*Nationality:*

- Số CMND, Hộ chiếu, Thẻ căn cước (đối với cá nhân) hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức), ngày cấp, nơi cấp/*ID card No./Passport No. (as for individuals) or Business Registration Certificate No., License on Operations or relevant legal documents (as for organizations), date of issue, place of issue.*

- Địa chỉ liên hệ/Địa chỉ trụ sở chính/*Contact Address/ address of head office:*

- Điện thoại/*Telephone:* ..... Fax: ..... Email: ..... Website:.....

2. Người có liên quan của cá nhân/tổ chức đầu tư (đang nắm giữ cùng loại cổ phiếu/chứng chỉ

quỹ)/*Affiliated persons/ organisation (currently owning the same types of shares/fund certificates):*

- Họ và tên cá nhân/Tên tổ chức có liên quan/*Full name of affiliated persons:*

- Quốc tịch/*Nationality:*

- Số CMND, Hộ chiếu, Thẻ căn cước (đối với cá nhân) hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức), ngày cấp, nơi Cấp/*ID card No./Passport No. (as for individuals) or Business Registration Certificate No. or License on Operations or relevant legal documents (as for organizations), date of issue, place of issue.*

- Chức vụ hiện nay tại công ty đại chúng/công ty quản lý quỹ (nếu có)/ *Current position at the public company/fund management company (if any):*

- Mối quan hệ với cá nhân/tổ chức đầu tư/*Relationship with individuals/ organisations:*

- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán/ *Ownership percentage of shares:*

3. Tên cổ phiếu/chứng chỉ quỹ/mã chứng khoán sở hữu/*Name & code of shares/fund certificates owned:*

4. Các tài khoản giao dịch có chứng khoán nêu tại mục 3/*Trading accounts with securities mentioned in the paragraph 3 above: Tại công ty chứng khoán/At the securities company:*

5. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ nắm giữ trước khi thực hiện giao dịch/*Number, ownership percentage of shares or fund certificates owned before the transaction:*

6. Số lượng cổ phiếu/chứng chỉ quỹ đã mua/bán/chuyển nhượng/nhận chuyển nhượng/hoán đổi tại ngày làm thay đổi tỷ lệ sở hữu và trở thành/hoặc không còn là cổ đông lớn/nhà đầu tư sở hữu từ 5% cổ phiếu/ chứng chỉ quỹ của quỹ đóng/*Number of shares or fund certificates purchased, sold, transferred or swapped at the date that changed the ownership percentage and became or ceased to be a major shareholder or investor owning 5% or more of closed-end fund's certificates:*

7. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ nắm giữ sau khi thực hiện giao dịch (hoặc thực hiện hoán đổi)/*Number, ownership percentage of shares or fund certificates owned after the transaction (or the swap):*

8. Ngày thực hiện giao dịch (hoặc thực hiện hoán đổi) làm thay đổi tỷ lệ sở hữu và trở thành cổ đông lớn/không còn là cổ đông lớn/nhà đầu tư nắm giữ từ 5% chứng chỉ quỹ của quỹ đóng/*The trading date (or swap date) that changed the ownership percentage and became /ceased to be a major shareholder or investor owning 5% or more of closed-endfund certificates:*

9. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ người có liên quan đang nắm giữ/*Number, ownership percentage of shares or fund certificates currently owned by the affiliated persons:*

10. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ cùng người có liên quan nắm giữ sau khi giao dịch/*Number, ownership percentage of shares or fund certificates owned by individuals/organizations together with affiliated persons after the transaction:*

**Nơi nhận:**

**Recipients:**

- ...;

- Lưu: VT, ...

- Archived: ...

**CÁ NHÂN/TỔ CHỨC BÁO CÁO/NGƯỜI ĐƯỢC ỦY  
QUYỀN CÔNG BỐ THÔNG TIN  
ORGANIZATION/INDIVIDUAL AUTHORIZED TO  
REPORT AND DISCLOSE INFORMATION**

*(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu – nếu có)*

*(Signature, full name and seal - if any)*

Phụ lục VIII  
Appendix VIII

**BÁO CÁO VỀ THAY ĐỔI SỞ HỮU CỦA CỔ ĐÔNG LỚN, NHÀ ĐẦU TƯ NĂM GIỮ TỪ  
5% TRỞ LÊN CÓ PHIẾU/CHỨNG CHỈ QUỸ ĐÓNG**

**REPORT ON OWNERSHIP CHANGES OF MAJOR SHAREHOLDERS/INVESTORS  
HOLDING 5% OR MORE OF SHARES/CLOSE-ENDED FUND CERTIFICATES**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ  
Tài chính)

(Promulgated with the Circular No 96/2020/TT-BTC on November 16, 2020 of the Minister of  
Finance)

TÊN CÔNG TY/CÁ  
NHÂN  
COMPANY'S  
NAME/NAME

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM  
Independence - Freedom – Happiness

Số: .../BC-....  
No: .../BC-....

..., ngày... tháng... năm....  
..., month... day..... year ....

**BÁO CÁO**

Về thay đổi sở hữu của cổ đông lớn, nhà đầu tư năm giữ từ 5% trở lên cổ phiếu/ chứng chỉ  
quỹ đóng

**REPORT ON OWNERSHIP CHANGES OF MAJOR SHAREHOLDERS/INVESTORS  
HOLDING 5% OR MORE OF SHARES/CLOSE-ENDED FUND CERTIFICATES**

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán;
- Tên Công ty đại chúng/ Công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán.

To:

- The State Securities Commission;
- The Stock Exchange;
- Name of the public company/the securities investment fund management company,

1. Thông tin về cá nhân/tổ chức đầu tư/*Information on individual/investor*

- Họ và tên cá nhân/Tên tổ chức đầu tư/*Name of individual/orgamsation*
- Quốc tịch/*Nationality*:
- Số CMND, Hộ chiếu, Thẻ căn cước (đối với cá nhân) hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức), ngày cấp, nơi cấp/*Number of ID card/Passport (in case of an individual) or number of Business Registration Certificate, Operation License or equivalent legal document (in case of an organisation), date of issue, place of issue*:

- Địa chỉ liên hệ/Địa chỉ trụ sở chính/*Contact address/address of head office*:

- Điện thoại: ..... Fax: ..... Email: ..... Website: .....

*Handwritten mark*

2. Người có liên quan của cá nhân/tổ chức đầu tư (đang nắm giữ cùng loại cổ phiếu/chứng chỉ quỹ)/*Affiliated person of individual/organisation (currently holding the same types of shares/fund certificates)*:

- Họ và tên cá nhân/Tên tổ chức có liên quan/*Full name of affiliated individual/organisation*:

- Quốc tịch/*Nationality*:

- Số CMND, Hộ chiếu, Thẻ căn cước (đối với cá nhân) hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức), ngày cấp, nơi cấp/*Number of ID card/Passport (in case of an individual) or number of Business Registration Certificate, Operation License or equivalent legal document (In case of an organisation), date of issue, place of issue*:

- Chức vụ hiện nay tại công ty đại chúng/công ty quản lý quỹ (nếu có)/*Current position in the public company/fund management company (if any)*:

- Mối quan hệ với cá nhân/tổ chức đầu tư/*Relationship with the individual/organization*:

3. Tên cổ phiếu/chứng chỉ quỹ/mã chứng khoán sở hữu/*Name of shares/fund certificates/ code of securities owned*:

4. Các tài khoản giao dịch có chứng khoán nêu tại mục 3/Trading accounts with shares at above-mentioned 3 point: Tại công ty chứng khoán/in the securities company:

5. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ nắm giữ trước khi thực hiện giao dịch/*Number, ownership percentage of shares/fund certificates held before the transaction*:

6. Số lượng cổ phiếu/chứng chỉ quỹ đã mua/bán/chuyển nhượng/nhận chuyển nhượng/hoán đổi (làm tỷ lệ sở hữu có thay đổi qua ngưỡng một phần trăm (1 %)/ *Number of shares/fund certificates bought/sold/transferred/received the transfer/swaped (making the ownership percentage change over the threshold of one percent (1%))*:

7. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ đóng nắm giữ sau khi thực hiện giao dịch/*Number, ownership percentage of shares/close-ended fund certificates held after the transaction*:

8. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ đóng mà người có liên quan đang nắm giữ/*Number and ownership percentage of shares/close-ended fund certificates currently held by the affiliated person*:

9. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ đóng cùng người có liên quan nắm giữ sau khi thực hiện giao dịch/*Number, ownership percentage of shares/close-ended fund certificates held affiliated persons after the transaction*:

10. Lý do thay đổi sở hữu/*Reasons for ownership change*:

11. Ngày giao dịch làm thay đổi tỷ lệ sở hữu/ *Trading day changes the ownership percentage*:

12. Các thay đổi quan trọng khác (nếu có)/*Other significant changes (if any)*:

**Nơi nhận:**

**Recipients:**

- ....;

- Lưu: VT, ...

- Archived: ....

**CÁ NHÂN/TỔ CHỨC BÁO CÁO/ NGƯỜI ĐƯỢC ỦY**

**QUYỀN CÔNG BỐ THÔNG TIN**

**REPORTING**

**ORGANISATION/INDIVIDUAL/PERSONS**

**AUTHORIZED TO DISCLOSE INFORMATION**

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu - nếu có)

(Signature, full name and seal - if any)

**Phụ lục XIII  
Appendix XIII**

**THÔNG BÁO GIAO DỊCH CỔ PHIẾU/CHỨNG CHỈ QUỸ/CHỨNG QUYỀN CÓ BẢO ĐẢM CỦA NGƯỜI NỘI BỘ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ**  
**NOTICE OF TRANSACTION IN SHARES/FUND CERTIFICATES/ COVERED WARRANTS OF INTERNAL PERSON AND AFFILIATED PERSONS OF INTERNAL PERSON**  
*(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)*  
*(Promulgated with the Circular No 96/2020/TT-BTC on November 16, 2020 of the Minister of Finance)*

**TÊN CÔNG TY/CÁ NHÂN**  
**COMPANY'S NAME/NAME**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  
**THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM**  
**Independence - Freedom - Happiness**

Số: .../BC-....  
No: .../BC-....

..., ngày... tháng...năm....  
..., month ... day ..... year ....

**THÔNG BÁO**

**Giao dịch cổ phiếu/ chứng chỉ quỹ/ chứng quyền có bảo đảm của người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ**  
**NOTICE OF TRANSACTION IN SHARES/FUND CERTIFICATES/ COVERED WARRANTS OF INTERNAL PERSON AND AFFILIATED PERSONS OF INTERNAL PERSON**

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch chứng khoán;
- Tên Công ty đại chúng/Công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán.

To:

- The State Securities Commission;
- The Stock Exchange;
- Name of the public company/the securities investment fund management company.

1. Thông tin về cá nhân/tổ chức thực hiện giao dịch/*Information on individual/organisation conducting the transaction:*

- Họ và tên cá nhân/Tên tổ chức/*Name of individual/organisation:*
- Quốc tịch/*Nationality:*
- Số CMND, Hộ chiếu, Thẻ căn cước (đối với cá nhân) hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức), ngày cấp, nơi cấp/*Number of ID card/Passport (in case of an individual) or number of Business Registration Certificate, Operation License or equivalent legal document (in case of an organisation), date of issue, place of issue:*
- Địa chỉ liên hệ/Địa chỉ trụ sở chính/*Contact address/address of head office:*



- Điện thoại/ *Telephone*: ..... Fax: ..... Email:..... Website: .....

- Chức vụ hiện nay tại công ty đại chúng, công ty quản lý quỹ (nếu có) hoặc mối quan hệ với công ty đại chúng, công ty quản lý quỹ/ *Current position in the public company, the fund management company (if any) or relationship with the public company, the fund management company*:

2. Thông tin về người nội bộ của công ty đại chúng/quỹ đại chúng là người có liên quan của cá nhân/tổ chức thực hiện giao dịch (đối với trường hợp người thực hiện giao dịch là người có liên quan của người nội bộ của công ty đại chúng/quỹ đại chúng)/ *Information of internal person of the public company/public fund who is the affiliated person of individual/organisation executing the transaction (in case the person executing transaction is the affiliated person of internal person of the public company/public fund)*:

- Họ và tên người nội bộ/ *Name of internal person*:

- Quốc Nationality:

- Số CMND, Hộ chiếu, Thẻ căn cước/ID card/Passport No.:

- Địa chỉ thường trú/Permanent address:

- Điện thoại liên hệ/Telephone: ..... Fax: ..... Email: .....

- Chức vụ hiện nay tại công ty đại chúng, công ty quản lý quỹ/Current position in the public company, the fund management company:

- Mối quan hệ giữa cá nhân/tổ chức thực hiện giao dịch với người nội bộ/ *Relationship of individual/organisation executing transaction with internal person*:

- Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ/chứng quyền có bảo đảm mà người nội bộ đang nắm giữ (nếu có)/Number, ownership percentage of shares/fund certificates/covered warrants held by the internal person (if any):

3. Mã chứng khoán giao dịch/ *Securities code*:

Mã chứng khoán cơ sở (đối với chứng quyền có bảo đảm)/ *Underlying securities code (for covered warrants)*:

4. Các tài khoản giao dịch có cổ phiếu/chứng chỉ quỹ/chứng quyền có bảo đảm nêu tại mục 3 / *Trading accounts having shares/fund certificates/covered warrants mentioned at item 3 above*: ..... tại công ty chứng khoán/In the securities company: .....

5. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ/ chứng quyền có bảo đảm nắm giữ trước khi thực hiện giao dịch/Number, ownership percentage of shares/fund certificates/covered warrants held before the transaction:

Số lượng, tỷ lệ chứng khoán cơ sở (nêu tại mục 3) nắm giữ trước khi thực hiện chứng quyền có bảo đảm \*/Number, ownership percentage of underlying securities (which are mentioned at item 3) held before executing the covered warrants \*:

6. Số lượng cổ phiếu/chứng chỉ quỹ/chứng quyền có bảo đảm đăng ký mua/bán/cho/được cho/tặng/được tặng/ thừa kế/chuyển nhượng/nhận chuyển nhượng/hoán đổi/Number of shares/fund certificates/covered warrants registered to purchase/sale/present/be presented/donate/be donated/inherit/transfer/be transferred/swap:

- Loại giao dịch đăng ký (mua/ bán/ cho/ được cho/ tặng/ được tặng/ thừa kế/chuyển nhượng/nhận chuyển nhượng/hoán đổi)/Type of transaction registered (to purchase/sell/present/be presented/donate/be donated/inherit/transfer/be transferred/swap:

- Số lượng cổ phiếu/chứng chỉ quỹ/chứng quyền có bảo đảm đăng ký giao dịch/ Number of shares/fund certificates/covered warrants registered for trading:

7. Giá trị giao dịch dự kiến (tính theo mệnh giá)/The expected value of transaction (which

*calculated based on par value).*

Giá trị chứng quyền có bảo đảm (theo giá phát hành gần nhất) giao dịch dự kiến (đối với chứng quyền có bảo đảm)/ *Value of covered warrants (at the latest issuing price) expected to be traded (for covered warrants):*

8. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ/chứng quyền có bảo đảm dự kiến nắm giữ sau khi thực hiện giao dịch/ *Number and ownership percentage of shares/fund certificates/covered warrants expected to hold after the transaction:*

9. Mục đích thực hiện giao dịch/*Purpose of transaction:*

10. Phương thức giao dịch/*Method of transaction:*

11. Thời gian dự kiến thực hiện giao dịch/*Expected trading time: từ ngày/from... đến ngày/to ....*

\* *Số lượng, tỷ lệ chứng khoán cơ sở nắm giữ tại ngày thông báo giao dịch/ Number, ownership percentage of underlying securities held at the day of the notice:*

**Nơi nhận:**

**Recipients:**

- ...;

- Lưu: VT,...

- Archived,.

**CÁ NHÂN/TỔ CHỨC BẢO CÁO/ NGƯỜI ĐƯỢC  
ỦY QUYỀN CÔNG BỐ THÔNG TIN  
REPORTING**

**ORGANISATION/INDIVIDUAL/PERSONS  
AUTHORIZED TO DISCLOSE INFORMATION**

*(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu - nếu có)*

*(Signature, full name and seal -if any)*

Phụ lục XV  
Appendix XV

**BÁO CÁO KẾT QUẢ GIAO DỊCH CỔ PHIẾU/CHỨNG CHỈ QUỸ/CHỨNG QUYỀN CÓ  
BẢO ĐẢM CỦA NGƯỜI NỘI BỘ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN**

**REPORT ON RESULTS OF TRANSACTION IN SHARES/FUND  
CERTIFICATES/COVERED WARRANTS OF INTERNAL PERSON AND AFFILIATED  
PERSON**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng  
Bộ Tài chính)*

*(Promulgated with the Circular No 96/2020/TT-BTC on November 16, 2020 of the Minister of  
Finance)*

**TÊN CÔNG TY/CÁ  
NHÂN  
COMPANY'S  
NAME/NAME**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM  
Independence - Freedom - Happiness**

Số: ...../BC-.....  
No: ...../BC-.....

....., ngày... tháng... năm....  
....., month ... day ..... year .....

**BÁO CÁO**

**Kết quả giao dịch cổ phiếu/chứng chỉ quỹ/chứng quyền có bảo đảm của người nội bộ và người  
có liên quan của người nội bộ**

**REPORT ON RESULTS OF TRANSACTION IN SHARES/FUND  
CERTIFICATES/COVERED WARRANTS OF INTERNAL PERSON AND AFFILIATED  
PERSONS OF INTERNAL PERSON**

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch chứng khoán;
- Tên Công ty đại chúng/Công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán.

To:

- The State Securities Commission;
- The Stock Exchange;
- Name of the public company/the securities investment fund management company.

1. Thông tin về cá nhân/tổ chức thực hiện giao (*tied*) *Information on individual/organisation  
conducting the transaction:*

- Họ và tên cá nhân/Tên tổ chức/*Name of individual/organisation:*

- Quốc tịch/*Nationality:*

- Số CMND, Hộ chiếu, Thẻ căn cước (đối với cá nhân) hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký  
doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức), ngày cấp,  
nơi cấp/*Number of ID card/p assport (in case of an individual) or number of Business Registration  
Certificate, Operation License or equivalent legal document (in case of an organisation), date of  
issue, place of issue:*

- Địa chỉ liên hệ/Địa chỉ trụ sở chính/*Contact address/address of head office:*

- Điện thoại/*Telephone:* ..... Fax: ..... Email: ..... Website: .....

- Chức vụ hiện nay tại công ty đại chúng, công ty quản lý quỹ (nếu có) hoặc mối quan hệ với

công ty đại chúng, công ty quản lý quỹ/*Current position in the public company, the fund management company (if any) or relationship with the public company, the fund management company:*

- Chức vụ tại công ty đại chúng, công ty quản lý quỹ tại ngày đăng ký giao dịch (nếu có/*position at the public company, the fund management company on the registration date (if any):* ..... và ngày không còn là người nội bộ hoặc người có liên quan của người nội bộ của công ty đại chúng, công ty quản lý quỹ: ..... (nêu rõ lý do)/*and the date when he/she is no longer an internal person or affiliated person of internal person of the public company, the fund management company (specify the reason):*

\*: Mục này chỉ dành cho trường hợp sau khi đăng ký giao dịch, đối tượng đăng ký không còn là người nội bộ hoặc người có liên quan của người nội bộ của công ty đại chúng, công ty quản lý quỹ/*This item is only for cases in which the person subject to registration, after the trading registration, is no longer the internal person or affiliated person of internal person of the public company, fund management company.*

2. Thông tin về người nội bộ của công ty đại chúng/quỹ đại chúng là người có liên quan của cá nhân/tổ chức thực hiện giao dịch (đối với trường hợp người thực hiện giao dịch là người có liên quan của người nội bộ của công ty đại chúng/quỹ đại chúng)/*Information on the internal person of the public company/public fund who is the affiliated person of individual/organisation conducting transaction (in case the person who conduct transaction is the affiliated person of internal person of the public company/public fund):*

- Họ và tên người nội bộ/*Name of internal person:*
- Quốc tịch/*Nationality:*
- Số CMND, Hộ chiếu, Thẻ căn cước/*ID card/Passport No.:*
- Địa chỉ thường trú/*Permanent address:*

- Điện thoại liên hệ/*Telephone:* Fax: Email:

- Chức vụ tại công ty đại chúng, công ty quản lý quỹ tại ngày cá nhân/tổ chức nêu tại mục 1 đăng ký giao dịch/*Position in the public company, the fund management company on the date when the individual/organisation mentioned in item 1 registers for the transaction:*

- Chức vụ hiện nay tại công ty đại chúng, công ty quản lý quỹ/*Current position in the public company, the fund management company:*

- Mối quan hệ giữa cá nhân/tổ chức thực hiện giao dịch với người nội bộ/*Relationship of individual/organisation executing transaction with internal person:*

- Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ/chứng quyền có bảo đảm mà người nội bộ đang nắm giữ (nếu có)/*Number, ownership percentage of shares/fund certificates/covered warrants held by the internal person (if any):*

3. Mã chứng khoán giao dịch/*Securities code:*

Mã chứng khoán cơ sở (đối với chứng quyền có bảo đảm)/*Underlying securities code (in case of covered warrants):*

4. Các tài khoản giao dịch có cổ phiếu/chứng chỉ quỹ/chứng quyền có bảo đảm nêu tại mục 3/*Trading accounts having shares/fund certificates/covered warrants as mentioned at item 3: .....* tại công ty chứng khoán/*In securities company:*

5. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ/chứng quyền có bảo đảm nắm giữ trước khi thực hiện giao dịch/*Number, ownership percentage of shares/fund certificates/covered warrants held before the transaction:*

Số lượng, tỷ lệ chứng khoán cơ sở (nêu tại mục 3) nắm giữ trước khi thực hiện chứng quyền có bảo đảm (đối với chứng quyền có bảo đảm)/*Number, ownership percentage of underlying securities (as mentioned at item 3) held before trading the covered warrants (in case of covered*

warrants):

6. Số lượng cổ phiếu/chứng chỉ quỹ/chứng quyền có bảo đảm đăng ký mua/bán/cho/được cho/tặng/được tặng/ thừa kế/chuyển nhượng/nhận chuyển nhượng /*Number of shares/fund certificates/covered warrants registered to purchase/sell/present/be presented/donate/be donated/inherit/transfer/be transferred*:

- Loại giao dịch đăng ký (mua/bán/cho/được cho/tặng/được tặng/ thừa kế/ chuyển nhượng/nhận chuyển nhượng)/*Type of transaction registered (to purchase/sell/present/be presented /donate/be donated/inherit/transfer/be transferred)*:

- Số lượng cổ phiếu/chứng chỉ quỹ/chứng quyền có bảo đảm đăng ký giao dịch/*Number of shares/fund certificates/covered warrants registered for trading*:

7. Số lượng cổ phiếu/chứng chỉ quỹ/chứng quyền có bảo đảm đã giao dịch (mua /bán/ cho/được cho/tặng/được tặng/ thừa kế/chuyển nhượng/nhận chuyển nhượng/hoán đổi)/*Number of shares/fund certificates/covered warrants being traded (purchase/sell/present/be present/donate/be donated/inherit/transfer/be transferred/swap)*.

- Loại giao dịch đã thực hiện (mua/ bán/ cho/ được cho/ tặng/ được tặng/ thừa kế/ chuyển nhượng/ nhận chuyển nhượng/ hoán đổi)/*Type of transaction executed (to purchase/sell/present/be presented/donate/be donated/inher it/transfer/be transferred/swap)*:

- Số lượng cổ phiếu/chứng chỉ quỹ/chứng quyền có bảo đảm đã giao dịch/ *Number of shares/fund certificates/covered warrants traded*:

8. Giá trị đã giao dịch (tính theo mệnh giá)/*the value of executed transaction (calculated based on par value)*:

Giá trị chứng quyền có bảo đảm (theo giá phát hành gần nhất) đã giao dịch/ *Value of covered warrants traded (at the latest issuing price)*:

9. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ/chứng quyền có bảo đảm nắm giữ sau khi thực hiện giao dịch của người thực hiện giao dịch/*Number, ownership percentage of shares/fund certificates/covered warrants after the transaction held by the person executing the transaction*:

Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ/chứng quyền có bảo đảm nắm giữ sau khi thực hiện giao dịch của người thực hiện giao dịch và người có liên quan/*Number, ownership percentage of shares/fund certificates/covered warrants after the transaction of the executor and affiliated person*:

10. Số lượng, tỷ lệ chứng khoán cơ sở dự kiến nắm giữ sau khi thực hiện chứng quyền có bảo đảm \*/*Number, ownership percentage of underlying securities held after trading the covered warrants \**:

11. Phương thức giao dịch/ *Method of transaction*:

12. Thời gian thực hiện giao dịch/ *Trading time*: từ ngày/*from*..... đến ngày/*to*.....

13. Lý do không hoàn tất giao dịch (trường hợp không thực hiện hết số lượng đăng ký)/*The reason for not completing the transaction (in case all of the registered amount not being executed)*:

\*: *Số lượng, tỷ lệ chứng khoán cơ sở nắm giữ tại ngày báo cáo kết quả giao dịch/Number, ownership percentage of underlying securities held on the day of reporting the transaction results*:

**Nơi nhận:**

**Recipients:**

- ....;

- Lưu: VT, ...

- Archived:...

**CÁ NHÂN/TỔ CHỨC BÁO CÁO/ NGƯỜI ĐƯỢC  
ỦY QUYỀN CÔNG BỐ THÔNG TIN  
REPORTING**

**ORGANISATION/INDIVIDUAL/PERSONS  
AUTHORIZED TO DISCLOSE INFORMATION**

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu - nếu có)

(Signature, full name and seal -if any)

**Biểu số 1: GIẤY ỦY QUYỀN THỰC HIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN**  
(Kèm theo Nghị định số 47/2021/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2021 của Chính phủ)

**TÊN DOANH NGHIỆP**  
**MSDN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ..... ngày ..... tháng ..... năm .....

**Kính gửi:** - Cơ quan đại diện chủ sở hữu;  
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

**I. BÊN ỦY QUYỀN (Bên A):**

Tên giao dịch của doanh nghiệp: .....

Mã số doanh nghiệp: .....

Địa chỉ liên lạc: .....

Website: .....

**II. BÊN ĐƯỢC ỦY QUYỀN (Bên B):**

Ông (Bà): .....

Số CMND/CCCD: .....

Ngày cấp: ..... Nơi cấp: .....

Điện thoại liên hệ: ..... Email: .....

Chức vụ tại doanh nghiệp: .....

**III. NỘI DUNG ỦY QUYỀN:**

Bên A ủy quyền cho Bên B làm “Người được ủy quyền công bố thông tin” của Bên A.

Bên B có trách nhiệm thay mặt Bên A thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin đầy đủ, chính xác và kịp thời theo quy định của pháp luật

Giấy ủy quyền này có hiệu lực kể từ ngày .../.../... đến khi có thông báo hủy bỏ bằng văn bản của ..... (Tên Doanh nghiệp)

**BÊN A**  
**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

**BÊN B**

(Ký, ghi rõ họ tên)

**Biểu số 3: BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM.....**

**TÊN DOANH NGHIỆP**  
**MSDN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

....., ngày .... tháng..... năm.....

**I. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM....**

- Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm so với kế hoạch đối với các chỉ tiêu theo Bảng số 1;

- Thuận lợi, khó khăn chủ yếu, các yếu tố ảnh hưởng tới tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

**BẢNG SỐ 1: MỘT SỐ CHỈ TIÊU VỀ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA DOANH NGHIỆP**

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch	Giá trị thực hiện	Giá trị thực hiện của cả tổ hợp công ty mẹ - công ty con (nếu có) (*)
1	Sản phẩm chủ yếu sản xuất				
a)	Sản phẩm 1				
b)	Sản phẩm 2				
2	Tổng doanh thu	Tỷ đồng			
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng			
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng			
5	Thuế và các khoản đã nộp Nhà nước	Tỷ đồng			
6	Kim ngạch xuất nhập khẩu (nếu có)	Tỷ đồng			
7	Sản phẩm dịch vụ công ích (nếu có)				
8	Tổng số lao động	Người			
9	Tổng quỹ lương	Tỷ đồng			
a)	Quỹ lương quản lý	Tỷ đồng			
b)	Quỹ lương lao động	Tỷ đồng			

**Lưu ý:**

(\*) Công ty mẹ là doanh nghiệp nhà nước cung cấp thông tin các chỉ tiêu hợp nhất của mô hình công ty mẹ - công ty con.





**Biểu số 5: BÁO CÁO THỰC TRẠNG QUẢN TRỊ VÀ CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA  
DOANH NGHIỆP 6 THÁNG/NĂM**

**TÊN DOANH NGHIỆP**  
**MSDN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

....., ngày ..... tháng..... năm.....

**I. HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN/HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ/CHỦ TỊCH CÔNG TY:**

Thông tin về các nghị quyết, quyết định của Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Hội đồng quản trị liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư, đầu thầu, mua sắm tài sản,...

**BẢNG SỐ 1: CÁC NGHỊ QUYẾT/QUYẾT ĐỊNH QUAN TRỌNG CỦA HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN/ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ HOẶC CHỦ TỊCH CÔNG TY**

TT	Số văn bản	Ngày	Người ký, ban hành	Nội dung (nêu tóm tắt nội dung chính của văn bản)
1				
2				
3				
....				

**II. THÔNG TIN VỀ GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN CÓ LIÊN QUAN:**

**BẢNG SỐ 2: THỐNG KÊ VỀ CÁC GIAO DỊCH VỚI NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN**

TT	Tên tổ chức, cá nhân	Thời điểm giao dịch	Nội dung giao dịch	Giá trị giao dịch	Số Nghị quyết/Quyết định của HĐQT/HĐQT/ĐHĐCĐ thông qua
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1					
2					
3					
....					

**Giải thích:**

(2): Ghi rõ tên của bên thực hiện giao dịch;

(3): Thời gian bắt đầu thực hiện giao dịch;

(4): Ghi rõ nội dung giao dịch (Ví dụ: Hợp đồng kinh tế, Hợp đồng cho vay, Hợp đồng đi vay...);

(5): Ghi rõ giá trị giao dịch (Ví dụ: Tỷ đồng, nghìn USD..);

(6): Ghi rõ số, ngày tháng văn bản của cấp có thẩm quyền ban hành về việc thực hiện giao dịch.

### III. THÔNG TIN VỀ GIAO DỊCH GIỮA DOANH NGHIỆP VỚI CÁC ĐỐI TƯỢNG KHÁC:

Thông tin về các giao dịch có giá trị từ 10% vốn chủ sở hữu trở lên của doanh nghiệp liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư, đấu thầu... theo Bảng số 3.

**BẢNG SỐ 3: THỐNG KÊ VỀ CÁC GIAO DỊCH CỦA DOANH NGHIỆP**

TT	Nội dung giao dịch	Đối tác giao dịch	Thời điểm giao dịch	Giá trị giao dịch	Số Nghị quyết/Quyết định của HĐQT/HĐQT/ĐHĐCB thông qua
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1					
2					
3					
...					

**Giải thích:**

(2): Ghi rõ nội dung giao dịch (Ví dụ: Hợp đồng kinh tế, Hợp đồng cho vay, Hợp đồng đi vay, Hợp đồng mua sắm...);

(3): Ghi rõ tên của bên thực hiện giao dịch;

(4): Thời gian bắt đầu thực hiện giao dịch;

(5): Ghi rõ giá trị giao dịch (Ví dụ: Tỷ đồng, nghìn USD..);

(6): Ghi rõ số, ngày tháng văn bản của cấp có thẩm quyền ban hành về việc thực hiện giao dịch.

**Biểu số 6: BÁO CÁO THỰC TRẠNG QUẢN TRỊ VÀ CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA  
DOANH NGHIỆP NĂM.....**

**TÊN DOANH NGHIỆP**  
**MSDN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

....., ngày ..... tháng..... năm.....

**I. THÔNG TIN VỀ CƠ QUAN ĐẠI DIỆN CHỦ SỞ HỮU**

1. Thông tin chung.

- Cơ quan đại diện chủ sở hữu.
- Người đứng đầu và cấp phó của người đứng đầu Cơ quan đại diện chủ sở hữu;

2. Các quyết định có liên quan của Cơ quan đại diện chủ sở hữu.

Thống kê các quyết định có liên quan của cơ quan đại diện chủ sở hữu theo Bảng số 1.

**BẢNG SỐ 1: CÁC QUYẾT ĐỊNH CÓ LIÊN QUAN CỦA CƠ QUAN ĐẠI DIỆN CHỦ SỞ HỮU**

TT	Số văn bản	Ngày	Nội dung <i>(nêu tóm tắt nội dung chính của văn bản)</i>
1			
2			
3			
...			

**II. THÔNG TIN VỀ NGƯỜI QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

1. Danh sách người quản lý doanh nghiệp: liệt kê thông tin cụ thể theo Bảng số 2.

**BẢNG SỐ 2: DANH SÁCH NGƯỜI QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

TT	Họ và tên	Năm sinh	Trình độ chuyên môn	Kinh nghiệm nghề nghiệp	Các vị trí quản lý đã nắm giữ
1					
2					
3					
...					

2. Tiền lương, thù lao và lợi ích khác của người quản lý doanh nghiệp.

Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích khác của từng người quản lý doanh nghiệp theo Bảng số 3.

**BẢNG SỐ 3: TIỀN LƯƠNG, THƯỞNG CỦA NGƯỜI QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

TT	Họ và tên	Chức vụ	Mức lương	Hệ số	Tiền lương/năm	Tiền thưởng, thu nhập khác
1						
2						
3						
....						

3. Hoạt động của Hội đồng thành viên, Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch công ty.

Thông tin về các nghị quyết, quyết định của Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Hội đồng quản trị liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư, đầu thầu, mua sắm tài sản... theo Bảng số 4.

**BẢNG SỐ 4: CÁC NGHỊ QUYẾT/QUYẾT ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN/ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ HOẶC CHỦ TỊCH CÔNG TY**

TT	Số văn bản	Ngày	Người ký, ban hành	Nội dung (nêu tóm tắt nội dung chính của văn bản)
1				
2				
3				
...				

### III. BAN KIỂM SOÁT VÀ KIỂM SOÁT VIÊN

1. Thông tin về Ban kiểm soát và Kiểm soát viên.

**BẢNG SỐ 5: DANH SÁCH BAN KIỂM SOÁT VÀ KIỂM SOÁT VIÊN**

TT	Họ và tên	Năm sinh	Trình độ chuyên môn	Chức vụ	Ngày bắt đầu là thành viên BKS	Tỷ lệ tham dự họp
1						
2						
3						
...						

2. Các báo cáo của Ban kiểm soát và Kiểm soát viên.

### IV. BÁO CÁO KẾT LUẬN CỦA CƠ QUAN THANH TRA (nếu có)

## V. THÔNG TIN VỀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN

1. Danh sách Người có liên quan của doanh nghiệp.

**BẢNG SỐ 6: DANH SÁCH VỀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA DOANH NGHIỆP**

TT	Tên tổ chức, cá nhân	Chức vụ (nếu có)	Địa chỉ trụ sở chính/ địa chỉ liên hệ	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan	Thời điểm không còn là người có liên quan	Lý do không còn là người liên quan
1						
2						
3						
....						

2. Thông tin về giao dịch với các bên có liên quan.

**BẢNG SỐ 7: THÔNG KÊ VỀ CÁC GIAO DỊCH VỚI NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN**

TT	Tên tổ chức, cá nhân	Thời điểm giao dịch	Nội dung giao dịch	Giá trị giao dịch	Số Nghị quyết/Quyết định của HĐQT/HĐQT/ĐHĐCĐ thông qua
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1					
2					
3					
....					

### **Giải thích:**

(2): Ghi rõ tên của bên thực hiện giao dịch;

(3): Thời gian bắt đầu thực hiện giao dịch;

(4): Ghi rõ nội dung giao dịch (Ví dụ: Hợp đồng kinh tế, Hợp đồng cho vay, Hợp đồng đi vay...);

(5): Ghi rõ giá trị giao dịch (Ví dụ: Tỷ đồng, nghìn USD..);

(6): Ghi rõ số, ngày tháng văn bản của cấp có thẩm quyền ban hành về việc thực hiện giao dịch.

## VI. TÌNH HÌNH SỬ DỤNG LAO ĐỘNG

- Tổng số lao động của doanh nghiệp (người):

- Mức lương trung bình người lao động/năm (triệu đồng):

- Tiền thưởng, thu nhập khác của người lao động/người/năm (triệu)